



BẢN TIN **Khoa học** **Công nghệ**

Số 03/2020

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI



BẢN TIN **Khoa học** **Công nghệ**

----- Số 03/2020



Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc Sở KH&CN

Thực hiện:

**TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUẢNG NGÃI**

202 - Trường Chinh - TP. Quảng Ngãi

Điện thoại: 0255.3713137;

Fax: 0255.3822911

Email: ttuddvkhn-skhn@quangngai.gov.vn

Ảnh bìa 1:

Rạn San hô Gành Yến, huyện Bình Sơn
(Photographer: Duy Sinh)

Trong số này:

◆ *Những vấn đề chung*

✎ Chủ đề ngày Quốc tế Đa dạng sinh học 22/5/2020: Các giải pháp của chúng ta sẵn có ở thiên nhiên.

PHƯƠNG DUNG (tổng hợp) 1

◆ *Nghiên cứu - trao đổi:*

✎ Những vấn đề liên quan đến tường xây bằng gạch không nung xi măng cốt liệu và giải pháp khắc phục.

**PSG.TS. TRẦN QUANG HÙNG
KS. TỪ VĂN TÁM 3**

✎ Sử dụng dịch vụ công trực tuyến: Hiệu quả và tiện ích.

TRINH NỮ 7

✎ Quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ kín.

PHƯƠNG DUNG 9

✎ Đảm bảo an toàn bức xạ khi sử dụng thiết bị X-quang

NGỌC PHƯƠNG 12

◆ *Khoa học - Công nghệ và thực tiễn:*

✎ Những cánh chim đầu đàn trong phát triển kinh tế Quảng Ngãi.

PHẠM DANH 14

✎ Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày, có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh khu vực Miền Trung.

TRINH NỮ 16

✎ Mô hình liên kết giữa Doanh nghiệp - Nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả tại huyện Sơn Tịnh.

ANH KHUÊ 20

✎ Ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác bảo vệ môi trường.

.PHƯƠNG TÚ 23

✎ Sơn Tịnh hướng đến sản xuất nền nông nghiệp sạch, hữu cơ.

THU PHƯỢNG - KIM CÚC 26

✎ gương nông dân điển hình trong học tập và làm theo Bác.

ĐỒNG XUÂN 28

✎ Ứng dụng kỹ thuật nuôi trau cải tiến để nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc H're và bảo vệ môi trường ở huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

PHƯƠNG DUNG 29

◆ *Tin hoạt động khoa học và công nghệ :*

32

Chủ đề Ngày quốc tế Đa dạng sinh học 22/5/2020:

**“CÁC GIẢI PHÁP CỦA CHÚNG TA
SẴN CÓ Ở THIÊN NHIÊN”**



Ngày 22/5 hàng năm được Liên hợp quốc chọn là Ngày quốc tế Đa dạng sinh học với mục tiêu nâng cao nhận thức cộng đồng về đa dạng sinh học. Đây là dịp để phản ánh trách nhiệm của chúng ta trong việc bảo vệ di sản quý giá này cho các thế hệ tương lai.

Đa dạng sinh học và hệ sinh thái cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho xã hội, đặc biệt là các dịch vụ điều tiết và hỗ trợ, giúp con người thích ứng với các tác động bất lợi của biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai.

Mặc dù vậy, đa dạng sinh học trên toàn cầu và tại Việt Nam đang bị suy thoái gây tác động tiêu cực đến đời sống con người. Việc gia tăng dân số và mức tiêu dùng là áp lực dẫn tới khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, sinh vật. Sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng đã làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên. Thay đổi phương thức sử dụng đất, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng đã làm giảm diện tích sinh cảnh tự nhiên, chia cắt các hệ sinh thái, làm suy giảm môi trường sống của nhiều loài động, thực vật hoang dã.

Chủ đề Ngày quốc tế Đa dạng sinh học năm 2020 là “Các giải pháp của chúng ta sẵn có ở thiên nhiên” (Our solutions are in

nature). Thông điệp này kêu gọi con người sống hài hòa với thiên nhiên, áp dụng các giải pháp dựa vào thiên nhiên để tạo sự thay đổi tích cực, đóng góp cho bảo vệ thiên nhiên, đa dạng sinh học và phát triển bền vững.

Chủ đề “Giải pháp của chúng ta có sẵn ở thiên nhiên” nhấn mạnh các giải pháp dựa vào tự nhiên có thể góp phần giải quyết các thách thức xã hội, cho dù đó là an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, sức khỏe con người, rủi ro thiên tai, dịch bệnh hay phát triển kinh tế. Các giải pháp dựa vào thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học là chìa khóa để giảm nhẹ biến đổi khí hậu tăng khả năng phục hồi và thích ứng ở một số khu vực quan trọng, bao gồm bảo tồn và phục hồi rừng và các hệ sinh thái trên cạn; bảo tồn và phục hồi tài nguyên nước ngọt cũng như hệ sinh thái biển và đại dương; hệ thống nông nghiệp và thực phẩm bền vững.

Các giải pháp dựa vào thiên nhiên chính là tiếp cận hệ sinh thái để giải quyết đồng thời mất đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu và suy thoái đất. Các giải pháp dựa trên thiên nhiên khôi phục và bảo tồn rạn san hô và vành đai rừng ngập mặn để tăng cường khả năng chống chịu lũ lụt ven biển và nước biển



☞ rừng, đóng vai trò là tuyến phòng thủ đầu tiên giúp tiêu tán năng lượng sóng, thảm thực vật để giảm nguy cơ sạt lở và tạo ra các vành đai xanh bổ sung nước ngầm ở những khu vực phải đối mặt với tình trạng khan hiếm nước.

Mỗi cá nhân, mỗi tổ chức hãy góp phần vào việc bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng

sinh học bằng các hành động cụ thể như: trồng nhiều cây xanh, không xả rác bừa bãi, sử dụng các sản phẩm có chất liệu từ thiên nhiên, tiết kiệm điện, giảm thiểu sử dụng túi nilong, ưu tiên sử dụng sản phẩm tái chế... “Các giải pháp của chúng ta có sẵn ở thiên nhiên” nhắc nhở mọi người sống hài hòa, cân bằng với tự nhiên, chú trọng vấn đề đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường trong phát triển các ngành kinh tế ■

PHƯƠNG DUNG (tổng hợp)



Các quần thể đa dạng sinh học ở Việt Nam.

NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TƯỜNG XÂY BẰNG GẠCH KHÔNG NUNG XI MĂNG CỐT LIỆU VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

✍ PGS.TS. TRẦN QUANG HƯNG, KS. TỪ VĂN TÁM(*)

Đề tài “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp khắc phục các nhược điểm của tường xây bằng gạch xi măng cốt liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” do trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng chủ trì thực hiện. Mục tiêu của đề tài là tìm ra những nguyên nhân gây ra các sự cố đối với tường xây bằng gạch xi măng cốt liệu (XMCL) từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục. Kết quả của đề tài giúp cho các đơn vị sản xuất gạch XMCL trên địa bàn có phương hướng chế tạo sản phẩm gạch phù hợp, đơn vị thiết kế và thi công công trình có biện pháp kỹ thuật hiệu quả để giảm thiểu các sự cố liên quan đến tường xây.

Gạch xây không nung là loại vật liệu được sản xuất từ hỗn hợp gồm các thành phần chính như chất kết dính, cốt liệu, và nước; được tạo hình và đóng rắn đạt các chỉ tiêu cơ lý theo yêu cầu mà không cần qua công đoạn nung trong lò nhiệt. Gạch không nung XMCL dùng chất kết dính là xi măng. Tại Việt Nam, gạch xây không nung bắt đầu được chú ý nhiều khi Chính phủ đã ra quyết định 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 với mục tiêu đến năm 2020 thay thế 30÷40% gạch nung bằng gạch không nung. Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16/4/2012 về tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung nêu rõ trong số gạch không nung được sử dụng thì 70% là gạch xi măng cốt liệu; các công trình sử dụng vốn nhà nước phải sử dụng gạch không nung.

Theo báo cáo sơ kết của

Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi năm 2017, sau hơn 6 năm thực hiện Chương trình 567 của Thủ tướng Chính phủ và hơn 03 năm triển khai thực hiện Quyết định số 222 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, tính đến 31/7/2017, tổng công suất thiết kế các cơ sở sản xuất gạch không nung trên địa bàn tỉnh khoảng 180 triệu viên/năm. Trong đó, nhiều doanh nghiệp đã đầu tư dây chuyền sản xuất vật liệu

xây không nung có quy mô lớn, thiết bị tự động hóa cao như: Xí nghiệp xây dựng Tiên Châu, Công ty TNHH Xây dựng La Hà; Công ty TNHH Phú Điền; Nhà máy gạch Dung Quất... Theo quy hoạch phát triển vật liệu tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 đạt khoảng 220 triệu viên quy chuẩn/năm trong đó gạch xi măng cốt liệu chiếm 72,7% tương đương 160 triệu viên trong tổng số vật liệu xây không nung các



Một công trình sử dụng gạch XMCL tại thành phố Quảng Ngãi.

(*)Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng.

☞ loại. Với tổng công suất thiết kế tại các cơ sở sản xuất vật liệu xây không nung trên địa bàn toàn tỉnh đến thời điểm 31/7/2017 sản lượng vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh cơ bản đã đáp ứng phục vụ cho các công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Việc triển khai áp dụng gạch XMCL vào xây dựng đã gặp không ít những khó khăn về mặt kỹ thuật. Riêng đối với các công trình dân sinh người dân vẫn chưa quan tâm sử dụng mà còn nghi ngờ về chất lượng đối với vật liệu xây không nung. Cũng theo báo cáo của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi, việc sử dụng vật liệu xây không nung gây nứt tường ở nhiều công trình trên địa bàn tỉnh. Thực tế chưa có các văn bản chính thức từ các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền hướng dẫn kỹ thuật xây gạch không nung xi măng cốt liệu để đáp ứng yêu cầu thiết kế, thi công thực tế. Một số địa phương đã ra văn bản hướng dẫn tạm thời liên quan đến kỹ thuật xây tường bằng gạch xi măng cốt liệu.

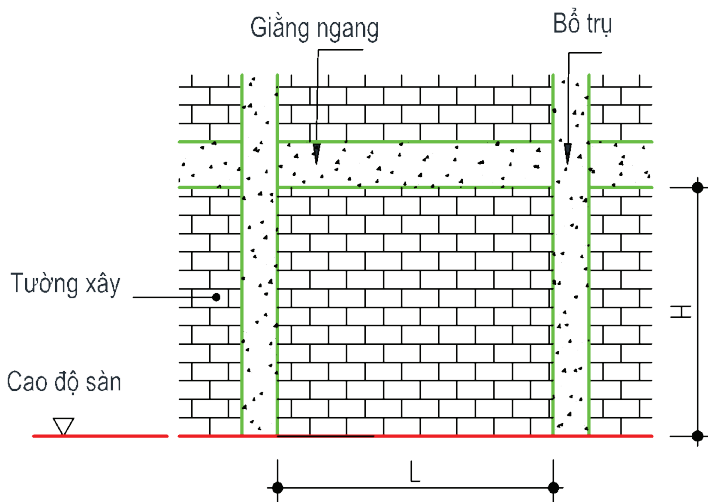
Qua khảo sát các cơ sở chế tạo gạch XMCL tại Quảng Ngãi, quy cách gạch phổ biến nhất hiện nay là gạch ống 6 lỗ kích thước 75x115x175mm³, quy cách này phù hợp với kỹ năng của người thợ xây vốn quen đã công tác xây gạch nung

truyền thống. Cốt liệu dùng để chế tạo chính là đất mặt (bột đá), và có thể thêm thành phần nhỏ là cát. Đa số tính chất cơ lý của gạch như cường độ, độ rỗng, độ hút nước đạt yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN 6477:2016 về Gạch bê tông. Tuy vậy độ thấm nước của viên gạch còn quá cao (gấp hàng chục lần so với tiêu chuẩn) dẫn đến tường xây dễ bị thấm trong quá trình sử dụng. Ngoài ra kết quả theo dõi độ co ngót của viên gạch theo thời gian cho thấy gạch XMCL có tổng co ngót kể từ khi chế tạo lên đến 800÷1000 µm/m và chỉ dừng lại khi đạt 12÷15 tuần tuổi. Thông thường, nhằm đảm bảo cường độ, khi gạch đủ 4 tuần tuổi sẽ được xuất kho và đưa ra thị trường tiêu thụ. Co ngót của viên gạch từ 4 tuần tuổi trở đi có thể đạt 300÷400 µm/m, đây là giá trị khá cao và với độ co ngót này thì tường xây hoàn toàn có thể bị nứt nếu các co ngót này bị các kết cấu xung quanh tường không chế.

Tại các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng và đang thi công trong tỉnh Quảng Ngãi, sự cố nứt tường liên tục xảy ra. Các vết nứt rất đa dạng, tập trung vào các vị trí như nứt tách giữa khung bê tông cốt thép chịu lực và tường, nứt giữa tường theo phương ngang và phương đứng trong đó tập trung vào các vị trí có đường ống kỹ thuật chạy

ngầm trong tường. Tại các ô cửa đi và cửa sổ, vết nứt thường chạy dọc ngang theo lanh tô hoặc xé chéo theo góc lỗ mở. Nhìn chung các hồ sơ thiết kế kỹ thuật của các công trình vẫn chưa quan tâm đến các giải pháp khắc phục vấn đề này, lý do chủ yếu là vẫn chưa tìm ra nguyên nhân chính để đưa ra phương án hợp lý. Một số công trình đã gia cường các bức tường bằng các giằng ngang và bổ trụ đứng nhưng vẫn chưa khắc phục được.

Chất lượng của tường xây bằng gạch XMCL được quyết định bởi nhiều yếu tố. Thứ nhất là vật liệu để xây tường bao gồm viên gạch và vữa trong đó vữa xây (trát) phải đảm bảo cường độ (nén, uốn và bám dính). Thứ hai là các phương án kỹ thuật phù hợp với tính chất của vật liệu. Thứ ba là kỹ thuật thi công và bảo dưỡng trên công trường. Hiện công tác xây tường sử dụng vữa xây và phương pháp xây truyền thống như gạch nung và nhìn chung người thợ xây chưa được huấn luyện kỹ thuật bài bản. Công tác bảo dưỡng tường xây sau theo quy định vẫn chưa thực hiện tốt. Việc thiết kế và thi công khối xây tường bằng gạch XMCL ít nhất phải tuân thủ tiêu chuẩn liên quan là TCVN 5573:2011 - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế và TCVN 4085:2011 - Kết



Gia cường khối xây kích thước lớn bằng hệ thống giằng.

☞ **Cấu gạch đá - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.**

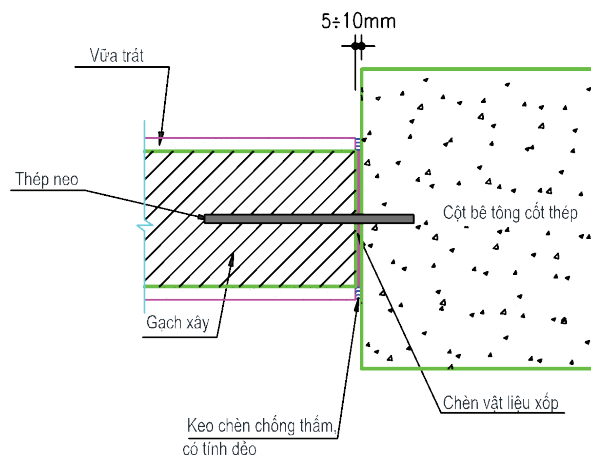
Dựa trên việc phân tích tính chất vật liệu, các hiện tượng khách quan thu thập được từ việc khảo sát các sự cố liên quan đến tường xây trong công trình, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm khắc phục các nhược điểm của tường xây bằng gạch XMCL trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Liên quan đến chất lượng của viên gạch XMCL, các nhà sản xuất cần cải thiện tính thấm của viên gạch bằng cách sử dụng nguồn cốt liệu có thành phần hạt phù hợp hơn, tăng độ lèn chặt của viên gạch, cải thiện lực ép và rung. Để tăng cường độ và giảm độ co ngót của gạch, cần có chế độ bảo dưỡng tốt ngay sau khi chế tạo; nên có kho kín phun sương liên tục để giữ đủ độ ẩm trong vòng 2 tuần đầu giúp cho xi măng có thể thủy hóa hoàn toàn; tốt nhất là bảo dưỡng bằng

hơi nước nóng.

Nếu không cải thiện được đặc tính co ngót của viên gạch, việc sử dụng gạch cần có một số giải pháp kỹ thuật phù hợp để giúp khối xây không bị thấm hay nứt. Một giải pháp rút ra từ việc theo dõi diễn biến co ngót của viên gạch là nên sử dụng gạch khi đã đủ 12÷15 tuần tuổi, lúc này độ co ngót của gạch dường như không còn đáng kể nữa. Tuy vậy phương án này khó có tính khả thi do liên quan đến

công tác sản xuất của nhà máy, đó là việc kéo dài thời gian lưu giữ gạch tại kho bãi sẽ làm tăng giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến công tác kinh doanh của nhà máy.

Các giải pháp kỹ thuật khác do đó đã được đề xuất. Giải pháp thứ nhất là biện pháp gia cường khối xây có kích thước lớn. Khi khối xây có kích thước bề dài hay bề cao lớn thì cần phải gia cường bằng các hệ thống giằng đứng hay giằng ngang bê tông cốt thép tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 5573:2011. Khoảng cách giữa các giằng đứng hay giằng ngang tùy thuộc vào bề dày của tường và nhóm khối xây. Ngoài ra, do tính co ngót của lớn của gạch xây, cần tạo ra các khe ngăn cách giữa khối xây và khung bê tông cốt thép chịu lực của nhà. Khi xây ta chừa khe co giãn khoảng 5÷10mm giữa tường và cột/dầm, sau đó sau khi trát khe này sẽ ☞



Cấu tạo khe co giãn vùng tường tiếp xúc với cột bê tông cốt thép

được chèn kín bằng vữa có tính chất đàn dẻo cao, chính khe co giãn này sẽ giúp khung chịu lực bê tông cốt thép không ngăn cản tường co ngót tự do. Lưu ý là để đảm bảo ổn định ngang của tường, tường vẫn được neo vào cột bê tông cốt thép bằng các thanh neo kim loại, nhưng cần giải phóng liên kết bám dính của thanh neo vào tường bằng cách bôi lên thanh neo lớp dầu trơn trước

2 mô hình trong phòng thí nghiệm với kích thước tương đương bức tường thật là (dài)x(rộng)=3x4m² xây chèn trong khung bê tông cốt thép đúc sẵn, với 2 quy cách gạch là 6 lỗ kích thước 75x115x175mm³ và 2 lỗ 60x100x185mm³, gạch có tuổi là 5 tuần. Vữa xây sử dụng loại vữa chuyên dụng với thành phần là xi măng, tro bay và phụ gia kháng co ngót. Vữa tô có thành phần

không có hiện tượng thấm, chứng tỏ vữa xây và tô đã đóng vai trò kháng thấm tốt. Bức tường được theo dõi liên tục trong khoảng thời gian 3 tháng, các vết nứt hoàn toàn không xuất hiện tại tất cả các vùng như vùng giao giữa khung bê tông cốt thép và tường, vùng lắp đặt đường ống kỹ thuật hay vị trí treo vật nặng. Điều này cho thấy hiệu quả của phương án kỹ thuật đề ra là khá tốt.

Tại Quảng Ngãi, hai bức tường với những kỹ thuật đề xuất cũng đã được xây dựng tại một công trình thực, trong đó bức thứ nhất là tường đặc kích thước 3,25x3,56m², bức thứ hai có kích thước 3,25x5,06m² và ô cửa sổ với kích thước 1,5x1,65m². Trên cơ sở những kết quả đạt được, đề tài đã xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật liên quan gồm hướng dẫn kỹ thuật sản xuất gạch XMCL, hướng dẫn kỹ thuật chế tạo vữa xây và tô, hướng dẫn kỹ thuật thiết kế tường xây và hướng dẫn kỹ thuật thi công và bảo dưỡng tường xây bằng gạch XMCL.

Kết quả của đề tài đã làm rõ được các nguyên nhân gây ra các sự cố đối với tường xây bằng gạch XMCL trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, các giải pháp kỹ thuật nếu được áp dụng sẽ giúp khắc phục được các vấn đề gây bức xúc trong đó nứt và thấm là quan trọng nhất ■



Các mô hình tường xây trong phòng thí nghiệm.

khi xây.

Khi tường xây quá dài, tổng co ngót lớn, cần tạo ra các khe co giãn cho chính bản thân tường. Khe co giãn này có cấu tạo tương tự như khe co giãn giữa tường và khung bê tông cốt thép. Ngoài ra khi có lỗ mở thì xung quanh lỗ mở cần gia cường hệ thống giằng bê tông cốt thép để tránh vết nứt xung quanh lỗ do sự tập trung ứng suất gây ra bởi hiện tượng co ngót.

Các giải pháp kỹ thuật đã được thử nghiệm trên

gồm xi măng, tro bay, cát và phụ gia kháng co ngót. Giữa cột hay dầm bê tông cốt thép và tường được bố trí khe co giãn rộng 10mm như đã mô tả ở trên. Trên mô hình còn thử nghiệm độ thấm bằng cách lắp đặt giàn phụ nước một phía và quan sát hiện tượng thấm ở phía bên kia. Một hệ thống đường ống kỹ thuật và giá treo vật nặng cũng được thiết lập nhằm mô phỏng tương tự như bức tường sử dụng thực tế. Kết quả cho thấy sau 7 ngày phun nước liên tục tường

SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN: HIỆU QUẢ VÀ TIỆN ÍCH



TRINH NỮ

Nhằm giải quyết thủ tục hành chính đem lại sự tiện lợi cho nhân dân khi tham gia và đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước một cách chặt chẽ, hiệu quả, việc triển khai dịch vụ công trực tuyến được xem là giải pháp tối ưu. Hiện nay, dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 3 và 4 được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đưa vào sử dụng được xem là khâu đột phá trong tiến trình cải cách hành chính.

Nhiều lợi ích thiết thực

Sử dụng DVCTT là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng. Sử dụng DVCTT là bước tiến mới trong cải cách hành chính, giúp người dân, doanh nghiệp có thể giải quyết thủ tục hành chính mọi lúc, mọi nơi, không phải đi lại nhiều lần, xếp hàng và mất thời gian chờ đợi; đồng thời tránh những phiền hà và tăng sự công khai, minh bạch của thủ tục hành chính. Việc gửi hồ sơ qua DVCTT giúp tổ chức, cá nhân có thể giao dịch 24/24



Cổng dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi.

giờ trong ngày, tại bất kỳ nơi đâu có kết nối internet, không phải đến trực tiếp cơ quan Nhà nước để chờ xử lý hồ sơ mà có thể thực hiện ở nhà hay ở cơ quan bằng máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet, đồng thời có thể theo dõi, giám sát được tình trạng giải quyết hồ sơ của mình. Chính vì vậy, sử dụng DVCTT tiết kiệm được thời gian, công sức và cắt giảm các chi phí đi lại cho tổ chức, cá nhân tham gia.

Đặc biệt, khi tham gia DVCTT mức độ 3, tổ chức, cá nhân có thể điền thông tin vào các mẫu văn bản điện tử, nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh, các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và

cung cấp dịch vụ đều được thực hiện trên môi trường mạng, thanh toán lệ phí và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ. Khi chuyển lên sử dụng DVCTT mức độ 4, người sử dụng có thể thanh toán lệ phí trực tuyến, sử dụng các hình thức thanh toán điện tử và việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.

Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức cung cấp 10 thủ tục đã đạt mức DVCTT mức độ 3, mức 4 trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại địa chỉ: motcua.quangngai.gov.vn, gồm: Cấp Giấy phép tiến hành công việc bốc xạ; cấp lại Giấy phép

tiến hành công việc bức xạ; gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ; cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ; đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận; đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước; đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý; kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Hướng dẫn sử dụng DVCTT cho tổ chức, cá nhân

1. Tra cứu các thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến: Truy cập vào trang web với đường link: <https://motcua.quangngai.gov.vn>, chọn “DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN”. Chọn Cơ quan thực hiện (dự kiến nộp hồ sơ) và nhấn nút Tìm kiếm để kiểm tra.

2. Đăng ký tài khoản/ đăng nhập hệ thống

Đăng ký tài khoản:

Truy cập vào trang web với đường link: <https://motcua.quangngai.gov.vn> chọn nút Đăng ký. Nhập đầy đủ các thông tin yêu cầu của hệ thống và Chọn nút Đăng ký khi đã khai đầy đủ yêu cầu thông tin. Nếu đăng ký thành công, hệ thống sẽ gửi nội dung thông báo vào địa chỉ email đã khai báo kèm đường link hướng dẫn yêu cầu kích hoạt tài khoản (thông tin báo đăng ký thành công trên hệ thống, thông tin email gửi về theo tài khoản email công dân/ tổ chức đã đăng ký). Click vào đường link trong email để vào hệ thống (nhập thông tin tài khoản (địa chỉ email) và mật khẩu (đã gửi trong email đăng ký) để thực hiện dịch vụ công trực

hồ sơ dịch vụ hành chính công mức độ 3, 4).

3. Thực hiện DVCTT:

- Sau khi đăng nhập thành công với tài khoản của mình, lựa chọn đơn vị để nộp hồ sơ trực tuyến, chọn lĩnh vực và chọn thủ tục hành chính thực hiện.

- Nhập toàn bộ thông tin cần thiết trên biểu mẫu hồ sơ điện tử và đính kèm các tệp văn bản đối với những văn bản, tài liệu đi kèm của hồ sơ theo yêu cầu.

- Sau khi điền đầy đủ thông tin, Click chuột vào nút Nộp hồ sơ để gửi hồ sơ điện tử. Hồ sơ sẽ được chuyển về đơn vị tiếp nhận và được đơn vị thụ lý, thẩm định, xử lý và giải quyết hồ sơ theo yêu cầu.

4. Quản lý thông tin cá

STT	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
1	Mức độ 2	Số nhiệm giám đốc viên tư pháp	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ
2	Mức độ 3	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ
3	Mức độ 3	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động sản xuất cho vận chuyển đại diện, chi nhánh	Lĩnh vực hoạt động

Trang tra cứu DVCTT - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

tuyển trên hệ thống; đăng nhập hệ thống thành công màn hình sẽ hiển thị thông tin để công dân có thể nộp

nhân/hồ sơ đã nộp: Sau khi đăng nhập thành công với

(Xem tiếp trang 11)

Quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ kín

✍ PHƯƠNG DUNG

Bộ Khoa học và Công nghệ vừa ban hành Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN ngày 30/5/2019 quy định về bảo đảm an ninh đối với nguồn phóng xạ kín theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 5:2010/BKHCN về an toàn bức xạ. Để thấy rõ hơn về nội dung của Thông tư này, chúng tôi có cuộc trao đổi với ông Tạ Anh Bảo, Chuyên viên Phòng Quản lý công nghệ, thị trường công nghệ và chuyên ngành về vấn đề này.

PV: Thưa ông, vừa qua Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN quy định về bảo đảm an ninh đối với nguồn phóng xạ kín. Vậy ông có thể nói rõ về nguyên tắc bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ được quy định như thế nào?

Ông Tạ Anh Bảo: Trước hết cần phải biết khái niệm Bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ là việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành động tiếp cận bất hợp pháp, đánh cắp, chiếm đoạt, phá hoại, vận chuyển và chuyển giao trái phép nguồn phóng xạ; và áp dụng các biện pháp bảo mật thông tin liên quan đến an ninh nguồn phóng xạ.

Nguyên tắc bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ: Được quy định tại Điều 3 Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN ngày 30/5/2019 của Bộ KH&CN, cụ thể:

1. Người đứng đầu tổ chức hoặc cá nhân có nguồn phóng xạ phải chịu trách nhiệm cao nhất về việc bảo đảm an ninh nguồn phóng



Hình minh họa.

xạ.

2. Yêu cầu bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ phải phù hợp với mức độ nguy hiểm của nguồn phóng xạ.

3. Việc bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ phải được thực hiện trong suốt vòng đời của nguồn đến khi nguồn phóng xạ đạt mức miễn trừ khai báo, xin cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 5:2010/BKHCN về An toàn bức xạ - Miễn trừ khai báo, cấp giấy phép ban hành kèm theo Thông tư số 15/2010/TT-BKHCN ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh nguồn phóng xạ phải được xem xét từ giai đoạn lập hồ sơ đề nghị xin cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ để bảo đảm các biện pháp đó hỗ trợ cho nhau, không gây ảnh hưởng xấu đến nhau.

PV: Thưa ông, theo đó, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm như thế nào trong việc sử dụng, lưu giữ và vận

☞ *chuyển nguồn phóng xạ?*

Ông Tạ Anh Bảo: Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong sử dụng và lưu giữ nguồn phóng xạ được quy định tại Điều 5 Thông tư số 01/2019/TT-BKH&CN ngày 30/5/2019 của Bộ KH&CN, cụ thể:

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng và lưu giữ nguồn phóng xạ thuộc mức an ninh A, B và C theo quy định tại các điểm a, b, và c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 01/2019/TT-BKH&CN ngày 30/5/2019 của Bộ KH&CN có trách nhiệm:

a) Xây dựng và thực hiện Kế hoạch bảo đảm an ninh theo các mẫu tương ứng với mức an ninh quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Gắn dấu hiệu cảnh báo bức xạ ion hóa và dấu hiệu cảnh báo bức xạ bổ sung theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trường hợp nguồn phóng xạ sử dụng di động, phải xây dựng và thực hiện bổ sung Kế hoạch bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ trong quá trình vận chuyển (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này); thông báo cho các Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cấp tỉnh tại địa phương trên tuyến đường vận chuyển về thời điểm

dự kiến vận chuyển nguồn phóng xạ đến và đi, thời gian, địa điểm sử dụng và lưu giữ nguồn phóng xạ tại các địa phương đó.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng và lưu giữ nguồn phóng xạ thuộc mức an ninh D theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này có trách nhiệm:

a) Kiểm đếm nguồn phóng xạ định kỳ hàng quý; lập hồ sơ kiểm đếm, ghi rõ người thực hiện kiểm đếm, thời gian kiểm đếm, kết quả kiểm đếm. Trong trường hợp bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, tạm dừng dây chuyền sản xuất đối với các thiết bị sử dụng nguồn phóng xạ lắp đặt trên dây chuyền sản xuất, việc kiểm đếm phải được thực hiện hàng tuần;

b) Gắn dấu hiệu cảnh báo bức xạ ion hóa theo quy định tại mục 1 và 3 Phụ lục II ban hành kèm theo số 01/2019/TT-BKH&CN ngày 30/5/2019 của Bộ KH&CN.

3. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện có đối tượng tiếp cận trái phép tới nguồn phóng xạ hoặc có ý định thực hiện hành vi chiếm đoạt, phá hoại nguồn phóng xạ phải:

a) Áp dụng các biện pháp ứng phó kịp thời, điều tra nguyên nhân, tìm biện pháp khắc phục;

b) Trong vòng 08 giờ kể từ khi phát hiện sự việc: thông báo cho Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cấp tỉnh nơi xảy ra sự việc và Cơ quan Công an nơi gần nhất bằng văn bản hoặc fax hoặc qua điện thoại;

c) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi phát hiện sự việc: gửi báo cáo bằng văn bản cho Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cấp tỉnh nơi xảy ra sự việc và Cơ quan Công an gần nhất. Báo cáo phải trình bày rõ nguyên nhân, diễn biến sự việc, các biện pháp ứng phó đã được áp dụng, hậu quả, các biện pháp khắc phục hậu quả sẽ được áp dụng và kế hoạch thực hiện để tránh xảy ra sự việc tương tự.

Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong vận chuyển nguồn phóng xạ: Được quy định tại Điều 6 Thông tư số 01/2019/TT-BKH&CN ngày 30/5/2019 của Bộ KH&CN, cụ thể:

1. Tổ chức, cá nhân vận chuyển nguồn phóng xạ bằng đường bộ, đường sắt, và đường thủy nội địa có trách nhiệm:

a) Tuân theo các quy định về vận chuyển an toàn hàng hóa nguy hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam và ☞

☞ các quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Xây dựng và thực hiện Kế hoạch bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ trong quá trình vận chuyển theo Mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân vận chuyển nguồn phóng xạ bằng đường hàng không có trách nhiệm tuân theo các quy định về vận chuyển an toàn hàng hóa nguy hiểm bằng đường hàng không theo quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình vận chuyển nguồn phóng xạ, tổ chức, cá nhân phải:

a) Áp dụng các biện pháp ứng phó kịp thời, điều tra nguyên nhân, tìm biện pháp khắc phục;

b) Trong vòng 08 giờ kể từ khi phát hiện sự cố: thông báo cho Cục An toàn, bức xạ và hạt nhân, Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cấp tỉnh nơi xảy ra sự cố và Cơ quan Công an nơi gần nhất bằng văn bản hoặc fax hoặc qua điện thoại;

c) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi phát hiện sự cố: gửi báo cáo bằng văn bản cho Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cấp tỉnh nơi xảy ra sự cố và Cơ quan Công an gần nhất. Báo cáo phải trình bày rõ nguyên nhân, diễn biến sự việc, các biện pháp ứng phó đã được áp dụng, hậu quả, các biện pháp khắc phục hậu quả sẽ được áp dụng và kế hoạch thực hiện để tránh xảy ra sự việc tương tự ■

Xin cảm ơn ông!

SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG...

(Tiếp theo trang 8)

tài khoản của mình, Click vào “Trang cá nhân” góc trên bên phải màn hình. Mục “Thông tin cá nhân” để xem thông tin đã đăng ký và thay đổi mật khẩu (nếu có). Mục “Danh sách giao dịch” quản lý danh sách các hồ sơ đã giao dịch để theo dõi trạng thái xử lý hồ sơ, in phiếu tiếp nhận hồ sơ, rút hồ sơ, bổ sung hồ sơ khi có yêu cầu. Mục “Quản lý giấy tờ” để quản lý các file đã gửi trong các hồ sơ nộp.

5. Tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ:

- Tra cứu tiến độ hồ sơ qua website:

Đăng nhập vào hệ thống <https://motcua.quangngai.gov.vn> trên trang chủ của hệ thống chọn “TRA CỨU TIẾN ĐỘ XỬ LÝ”. Tiếp theo nhập mã biên nhận và mã bảo mật chọn “Tra cứu”. Xem thông tin chi tiết về quá trình xử lý hồ sơ Click chuột vào mã biên nhận để xem được tiến trình xử lý hồ sơ.

- Tra cứu tiến độ hồ sơ qua Zalo:

Cài đặt ứng dụng Zalo, lên Appstore hoặc Google Play và gõ vào ô "Tìm kiếm" từ khoá "Zalo". Sau khi cài đặt ứng dụng Zalo, vào mục quét Mã QR Code hoặc vào mục tìm kiếm đánh cụm từ “hành chính công tỉnh quang ngai”. Ứng dụng sẽ tự động dẫn tới trang Zalo Hành chính công tỉnh Quảng Ngãi sau đó nhấn nút Quan tâm trang của chúng tôi. Nhấn và trang "Hành chính công tỉnh Quảng Ngãi" và nhập Mã Biên nhận hoặc Quét mã QR Code trên giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả nhận được. Hệ thống sẽ tự động trả về thông tin tiến độ xử lý hồ sơ của công dân/tổ chức ■

ĐẢM BẢO AN TOÀN BỨC XẠ KHI SỬ DỤNG THIẾT BỊ X-QUANG

 NGỌC PHƯƠNG

Tia X (X-quang) là một dạng của sóng điện từ, có khả năng xuyên qua nhiều vật chất nên được dùng trong y tế để chẩn đoán hình ảnh cấu trúc xương, xác định bệnh lý về xương, chẩn đoán các bệnh về phổi và khảo sát vùng bụng có thể phát hiện ra nhiều bệnh khác. Bên cạnh lợi ích mang lại, do tia X có khả năng gây ion hóa hoặc có phản ứng trên cơ thể, nên khi chụp X-quang, nếu không được tiến hành trong điều kiện an toàn, phòng chụp, thiết bị chụp không đạt tiêu chuẩn an toàn, hoặc đội ngũ nhân viên kỹ thuật không được trang bị đầy đủ kiến thức sẽ gây nguy hiểm cho người bệnh.

Nhằm giúp cho các cơ sở X-quang y tế nâng cao nhận thức về đảm bảo an toàn bức xạ trong hoạt động khám chữa bệnh, hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền nhằm nâng cao hiểu biết cho cơ sở để tránh những sự cố bức xạ đáng tiếc xảy ra. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các hành vi vi phạm kịp thời. Qua đó nhận thức và việc chấp hành các quy định của các cơ sở

Trên địa bàn tỉnh hiện có trên 36 cơ sở X-quang y tế với 57 thiết bị các loại như: chụp X-quang chẩn đoán, chụp răng, chụp CT, C-arm mạch máu... phục vụ khám, chữa bệnh. Việc sử dụng thiết bị X-quang trong y tế để chẩn đoán bệnh là cần thiết. Tuy nhiên, nếu lạm dụng hoặc không vận dụng những biện pháp đảm bảo an toàn khi sử dụng thiết bị, sẽ gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của nhân viên phụ trách và người bệnh, thậm chí, ảnh hưởng đến cả môi trường xung quanh. Do đó, tăng cường hoạt động quản lý an toàn bức xạ tại các cơ sở y tế này là cần thiết.



Bệnh nhân được mặc áo chì để che chắn các cơ quan nhạy cảm trước khi tiến hành chụp X-quang để giảm thiểu liều chiếu xạ trên cơ thể.

☞ bức xạ được nâng lên rõ rệt. Các cơ sở đã chấp hành tốt công tác bảo đảm an toàn bức xạ trong quá trình hoạt động như: Tại cửa ra vào phòng chụp, phải có đèn tín hiệu và luôn phát sáng trong suốt thời gian máy hoạt động; biển cảnh báo bức xạ theo mẫu quy định được đặt ngang tầm mắt và dễ quan sát; nội quy an toàn bức xạ được gắn tại cửa ra vào khu vực kiểm soát. Chiều dày bảo vệ của tường, sàn, trần, cửa ra vào phòng đặt thiết bị bức xạ, cửa quan sát của phòng điều khiển phải được thiết kế theo quy định và bảo đảm an toàn.

Ông Trần Minh Cảnh, phụ trách Phòng khám bác sĩ Bắc cho biết: Để đảm bảo an toàn cho nhân viên khi vận hành thiết bị, ngoài che chắn phòng chụp, thì nhân viên cần giảm thời gian làm việc trên máy, tạo khoảng cách để kiểm chế bức xạ chiếu ngoài. Khi làm việc với thiết bị phát tia X, nhân viên phải được trang bị tạp dề cao su chì, găng tay cao su chì, kính chì để giảm thiểu liều chiếu xạ trên cơ thể. Đối với những bệnh nhân khi cần chiếu chụp phải che chắn các cơ quan nhạy cảm với bức xạ của cơ thể bệnh nhân (như tuyến sinh dục, thủy tinh thể của mắt, vú, tuyến giáp trạng)... nhằm đảm bảo an toàn bức xạ cho cả người nhân viên và người bệnh khi tiếp xúc với tia X.

Ngoài việc đầu tư, thiết kế phòng chụp X-quang, trang bị liều kế cá nhân cho nhân viên bức xạ, kiểm định định kỳ thiết bị X-quang, các cơ sở y tế có sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán bệnh còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện

Cục An toàn bức xạ và Hạt nhân hoặc Sở KH&CN cấp. Nhân viên bức xạ phải được trang bị liều kế cá nhân và phải luôn đeo liều kế trong quá trình vận hành thiết bị; liều kế cá nhân được kiểm tra định kỳ 3 tháng/lần; nhân viên bức xạ được khám sức



Đèn báo bức xạ tia X được trang bị trước cửa phòng chụp X-quang để cảnh báo cho bệnh nhân

hành về an toàn bức xạ. Ông Nguyễn Phan Huy, Trưởng khoa chuẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Sản nhi Quảng Ngãi cho biết: Để được phép hoạt động, cơ sở phải khai báo với Sở KH&CN để xin cấp giấy phép sử dụng thiết bị; thiết bị X-quang phải có người phụ trách an toàn bức xạ và phải có Chứng chỉ nhân viên bức xạ do

khỏe định kỳ 1 năm/lần.

Theo đánh giá của Sở Khoa học và Công nghệ, nhìn chung, trong thời gian qua các cơ sở sử dụng thiết bị X-quang trong y tế đã chấp hành tốt công tác bảo đảm an toàn bức xạ trong quá trình hoạt động. Nhờ đó, đến nay chưa có sự cố bức xạ đáng tiếc nào xảy ra trong lĩnh vực y tế ■

NHỮNG CÁNH CHIM ĐẦU ĐÀN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ QUẢNG NGÃI

✍ PHẠM DANH

Những năm qua, đồng hành cùng sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cộng đồng doanh nghiệp (DN), doanh nhân Quảng Ngãi đã không ngừng vươn lên lớn mạnh, trở thành lực lượng nòng cốt, tiên phong trên mặt trận kinh tế và công tác an sinh xã hội của tỉnh. Đây cũng là những DN đi đầu trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả thiết thực.

Doanh nghiệp tiêu biểu

Cứ hai năm một lần, vào ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10 các năm chẵn, Quảng Ngãi lại tổ chức bình chọn, vinh danh các DN, doanh nhân tiêu biểu của tỉnh. Điềm lại các lần vinh danh những năm gần đây, các DN được xem là những trụ cột kinh tế của Quảng Ngãi thường xuyên được xướng tên, như: Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn; Công ty CP Đường Quảng Ngãi (QNS); Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi; Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam (Doosan Vina); Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Quảng Ngãi; Công ty cổ phần dịch vụ dầu khí (PTSC) Quảng Ngãi...

Được biết đến là DN đầu đàn của Quảng Ngãi, những năm qua, Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) đã có những đóng góp hết sức quan trọng cho sự nghiệp phát triển kinh tế và thu ngân sách của tỉnh. Chỉ riêng năm 2019, trong điều kiện kinh doanh khó khăn với biến



Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn là một trong những “cánh chim đầu đàn” của Quảng Ngãi.

động bất thường của giá dầu thế giới, BSR đạt 102.824 tỷ đồng doanh thu hợp nhất và 2.873 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Nhà máy Lọc dầu Dung Quất do BSR quản lý, vận hành luôn ổn định với 107% công suất thiết kế. Sản lượng đạt hơn 6,9 triệu tấn, vượt 7% kế hoạch; nộp ngân sách đạt 10.321 tỷ đồng, vượt 12% kế hoạch và riêng chỉ tiêu sản lượng, BSR đã “về đích sớm” 26 ngày. Bên cạnh đó, BSR còn tăng cường công tác tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong năm

2019, BSR đã triển khai thành công 4/16 giải pháp tối ưu năng lượng và chế biến thành công 2 loại dầu thô mới WTI Midland và dầu Bonny Light... Và đến nay, BSR thực hiện đạt 25 triệu giờ công an toàn, không có tai nạn lao động mất ngày công. Đặc biệt, cuối năm 2019, BSR đã được Forbes Việt Nam xếp vị trí thứ 18 trong danh sách “100 công ty đại chúng lớn nhất Việt Nam”. Năm 2020, BSR đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh với sản lượng đạt 5,56 triệu tấn; doanh thu là 80.685 tỷ đồng; nộp

ngân sách Nhà nước khoảng 7.404 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 1.185 tỷ đồng.

Đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Quảng Ngãi, sau hơn 20 năm thành lập đi vào hoạt động, Vietcombank Quảng Ngãi đã khẳng định vị thế hàng đầu trong hệ thống ngân hàng trên địa bàn tỉnh, phục vụ đắc lực công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hơn 20 năm qua (1999 – 2019), Vietcombank Quảng

đồng - mức lợi nhuận cao nhất trong lịch sử 20 năm của chi nhánh và cao nhất so với các ngân hàng trên địa bàn. Ngoài ra, Vietcombank Quảng Ngãi còn tích cực đóng góp vào hoạt động an sinh xã hội, với khoản tiền ủng hộ xây trường học, bệnh viện, tặng nhà, vật nuôi cho vùng nghèo, hộ nghèo lên đến gần 50 tỷ đồng.

Đối với PTSC Quảng Ngãi, nhiều năm qua cũng là một trong những DN tiêu biểu của tỉnh Quảng Ngãi. Bên cạnh đó, Bí thư Đảng

Hùng cho biết, năm 2019 Công ty đạt tổng doanh thu trên 635 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế trên 15,2 tỷ đồng; thu nhập bình quân của người lao động trên 12,6 triệu đồng/người/tháng.

Đồng hành cùng doanh nghiệp

Bên cạnh sự nỗ lực vươn lên từ nội tại của các DN, thời gian qua tỉnh Quảng Ngãi đã đồng hành, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho DN trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong đó, Hiệp hội DN và Hội Doanh nhân tỉnh chính là “mái nhà chung” để cộng đồng DN chia sẻ kinh nghiệm, lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của doanh nhân; mang tiếng nói của DN đến với chính quyền tỉnh.

Chủ tịch Hiệp hội DN tỉnh Võ Thành Đảng cho biết: Hiệp hội đã quy tụ được 256 DN đăng ký hoạt động ở hầu hết các ngành, nghề, lĩnh vực. Hằng năm, số DN này đóng góp hơn 80% tổng thu ngân sách tỉnh, chiếm trên 85% giá trị sản xuất trên địa bàn và giải quyết hơn 35 nghìn việc làm cho người lao động. Hầu hết các thành viên trong Hiệp hội đã tạo ra nhiều mặt hàng có giá trị và tiêu thụ rộng rãi trên thị trường trong và ngoài tỉnh.

“Thời gian qua, Hiệp hội đã phối hợp với các sở, ngành tổ chức các chương trình, hội thảo, các khoá đào

(Xem tiếp trang 25)



Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Nguyễn Tăng Bình thăm, tặng quà Công ty PTSC Quảng Ngãi.

Ngãi đã không ngừng mở rộng mạng lưới, xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ, năng động, sáng tạo, nhiệt tình trong công tác, nhờ đó thu hút ngày càng nhiều khách hàng, mở rộng thị phần, liên tục thu lợi nhuận cao. Đặc biệt, trong năm 2018, Vietcombank đạt mức lợi nhuận hơn 230 tỷ

uỷ - Giám đốc PTSC Quảng Ngãi Phạm Văn Hùng cũng là một trong những doanh nhân tiêu biểu nhiều năm liền của tỉnh. Không chỉ có năng lực quản lý, điều hành DN, bản thân ông Phạm Văn Hùng còn có nhiều giải pháp, sáng kiến trong công tác chuyên môn, mang lại giá trị hàng tỷ đồng. Ông

Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày, có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh khu vực Miền Trung

✍ TRINH NỮ

Trong những năm qua sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, năng suất lúa ngày càng tăng, góp phần tăng hiệu quả sản xuất cho nông dân. Tuy nhiên, thời tiết biến đổi thất thường, gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất lúa nếu không có các biện pháp đối phó hiệu quả, bền vững; thu nhập của người dân sản xuất lúa còn thấp nên không gắn bó với mảnh ruộng lúa, có nguy cơ bỏ ruộng. Hơn nữa, trong cơ cấu giống lúa đang sản xuất hiện nay, các giống lúa ngắn ngày, năng suất và chất lượng cao phục vụ 2 vụ lúa/năm tại Quảng Ngãi và các tỉnh Miền Trung đang rất thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất. Để giải quyết những yêu cầu cấp thiết và thực hiện chủ trương của UBND tỉnh, Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi thực hiện đề tài khoa học và công nghệ “Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày, có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh khu vực Miền Trung”.



Đề tài thực hiện thí nghiệm tập đoàn, chọn dòng thuần ưu tú. 70 dòng lúa thuần thể hệ F7-F8 được lai tạo từ các cặp bố mẹ có phẩm chất gạo tốt, năng suất cao được

Trung tâm tiến hành thí nghiệm trong vụ Đông Xuân 2016 -2017 trên đồng ruộng và được đề tài thực hiện nối tiếp vụ Hè Thu 2017, qui mô 0,2 ha, tại Trạm giống cây nông nghiệp Đức Hiệp,

Mộ Đức. Qua đó, xác định 10 dòng ưu tú nhất vụ Đông Xuân 2016-2017 và 8 dòng thuần ưu tú nhất vụ Hè Thu 2017. Các dòng có thời gian sinh trưởng từ ngắn ngày đến trung ngày, vụ Đông

☞ Xuân 100-110 ngày, vụ Hè Thu 89-94 ngày; ít nhiễm sâu bệnh hại, chống chịu với rầy nâu hơn giống đối chứng HT1, KD db, các dòng đều cứng cây; năng suất cao vụ Đông Xuân đạt 81,3-88,6 tạ/ha (cao hơn giống đối chứng HT1 từ 18,1-28,7%), vụ Hè Thu năng suất 66,8-74,3 tạ/ha (cao hơn 2 giống đối chứng từ 4,2-22,4%).

Từ 18 dòng lúa thuần ưu tú nhất được chọn ra từ thí nghiệm tập đoàn và 4 dòng lúa ưu tú của vật liệu khởi đầu, thí nghiệm so sánh đánh giá các dòng thuần ưu tú thực hiện trong vụ Hè Thu 2017 và vụ Đông Xuân 2017-2018 đã xác định được 2 dòng thuần ưu tú nhất là ĐH 145Đ-12 và ĐH 11-48 để tham gia khảo nghiệm Quốc gia, đánh giá tính chống chịu sâu bệnh. Dòng ĐH 145Đ-12 có thời gian sinh trưởng thuộc nhóm trung ngày (vụ Đông Xuân 107-108 ngày, vụ Hè Thu 95 ngày), năng suất trung bình 66,9-67,6 tạ/ha, cao hơn giống đối chứng HT1 trên 10%, cứng cây, khối lượng 1.000 hạt lớn, ít nhiễm sâu bệnh, phẩm chất gạo tốt, tỷ lệ gạo nguyên và tỷ lệ gạo trắng trong trên 80%, gạo lật có màu đỏ huyết dụ, chứa nhiều dưỡng chất, cơm ngon. Dòng ĐH 11-48 có thời gian sinh trưởng thuộc nhóm trung ngày (vụ Đông Xuân 110-111 ngày), năng

suất trung bình đạt 75,8 tạ/ha và cao hơn giống đối chứng 11,6-23,7%, sức sinh trưởng mạnh, cứng cây, cây cao trung bình, bông to, dày gié, ít nhiễm sâu bệnh, phẩm chất gạo tốt, hạt dài 6,57mm, tỷ lệ dài/rộng 3,22, tỷ lệ gạo nguyên và tỷ lệ gạo trắng trong trên 80%, cơm ngon.

Theo kết quả khảo nghiệm cơ bản và khảo nghiệm sản xuất tại các địa phương có 3 giống lúa triển vọng đủ điều kiện công nhận sản xuất thử là QNg6, QNg13, QNg128,

(N₂) + 90 kg Lân (P₂O₅) + 90 kg Kali (K₂O)/ha + nền 10 tấn phân chuồng + 300,0 kg vôi/ha là phù hợp, đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao trên đất hơi chua, có độ phì trung bình. Giống lúa QNg13 có mật độ gieo sạ 80 kg giống/ha và liều lượng phân bón vụ Đông Xuân và Hè Thu 120 kg Đạm (N₂) + 90kg Lân (P₂O₅) + 90 kg Kali (K₂O)/ha và trong vụ Hè Thu 150 kg Đạm (N₂) + 90 kg Lân (P₂O₅) + 110 kg Kali (K₂O) + nền 10 tấn



Các giống lúa mới QNg6, QNg13, QNg128 đã được đăng ký bảo hộ.

đề tài chọn 2 giống lúa QNg6 và QNg13 để thực hiện thí nghiệm xác định mật độ gieo sạ và liều lượng phân bón (đạm, kali) phù hợp. Giống lúa QNg6 có mật độ gieo sạ 80 kg giống/ha và liều lượng phân bón vụ Đông Xuân 150 kg Đạm (N₂) + 90 kg Lân (P₂O₅) + 110 kg Kali (K₂O)/ha, vụ Hè Thu 120 kg Đạm

phân chuồng + 300,0 kg vôi/ha là phù hợp, đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao trên đất hơi chua, có độ phì trung bình. Từ đó, xây dựng 02 hướng dẫn kỹ thuật canh tác giống lúa mới có chất lượng tốt cho giống lúa QNg6 và QNg13.

Đề tài đã khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử

☞ dụng trên 5 giống QNg6, QNg13, QNg128, QNg11, TĐ 145 phối hợp với Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, Sản phẩm cây trồng miền Trung và Tây Nguyên thực hiện trong mạng lưới khảo nghiệm quốc gia vùng Duyên hải Nam Trung bộ. Các giống đều có thời gian sinh trưởng từ ngắn đến trung ngày, vụ Đông Xuân 105-116 ngày, vụ Hè Thu 92-106 ngày (trong điều kiện cấy), tương đương 2 giống đối chứng HT1 và KD đb; ít nhiễm sâu bệnh hại hơn so với giống đối chứng, chống

97% cao hơn giống HT1, KD đb; cơm mềm, ngon tương đương giống đối chứng HT1. Cùng với khảo nghiệm sản xuất tại 3 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên. Các giống có thời gian sinh trưởng ngắn đến trung ngày (92-106 ngày vụ Hè Thu, 105-116 ngày vụ Đông Xuân; ít nhiễm sâu bệnh hại chính và tương đương giống đối chứng, khả năng chịu lạnh tương đương giống đối chứng, chịu nóng tốt hơn giống đối chứng; năng suất 56,8-65,0 tạ/ha vụ

cho thấy: 4 giống lúa QNg6, QNg13, QNg11, TĐ 145 có phản ứng kháng bệnh, tính kháng bệnh đạo ôn cao hơn so với giống đối chứng VN121, khả năng chống chịu rầy nâu cao hơn so với giống KD18 đối chứng. Đề tài thực hiện khảo nghiệm DUS cho 5 giống QNg6, QNg13, QNg128 (vụ mùa 2017, 2018) và QNg11, TĐ 145 (vụ mùa 2018, 2019), cho thấy các giống đều có sự khác biệt rõ ràng so với các giống tương tự đối chứng, có tính đồng nhất và tính ổn định.

Đồng thời tiến hành đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới cho các giống lúa QNg6, QNg13, QNg128, TĐ 145 và được Cục Trồng trọt cấp bằng bảo hộ cho 3 giống lúa QNg6, QNg13, QNg128 và giống lúa TĐ 145 được chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ.

Sau khi có kết quả các bước khảo nghiệm Quốc gia, đề tài tiến hành lập báo cáo kết quả chọn tạo, khảo nghiệm 03 giống lúa mới QNg6, QNg13 và QNg128 trình và được Cục Trồng trọt công nhận sản xuất thử giống QNg6, QNg13 tại các tỉnh duyên hải nam trung bộ và Tây Nguyên, giống QNg128 được công nhận sản xuất thử tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ. Tăng hơn 1 giống so mục tiêu đề tài.

Đề tài cũng đã xây dựng ☞



Hội nghị đầu bờ các giống lúa QNg6, QNg13, QNg128.

chịu tốt với rầy nâu, bệnh đạo ôn; năng suất 60,8-67,3 tạ/ha vụ Hè Thu, 64,6-78,9 tạ/ha vụ Đông Xuân, cao hơn giống đối chứng HT1 10,5-14,5% vụ Hè Thu, 0,2-19,4% vụ Đông Xuân; tỷ lệ gạo lật 78,8-81,4% cao hơn giống đối chứng HT1, KD đb; tỷ lệ gạo nguyên 89,1-

Hè Thu (cao hơn giống HT1 đối chứng 5,6-14,6%), 66,2-74,4 tạ/ha vụ Đông Xuân (cao hơn HT1 đối chứng 3,7-16,4%). Ngoài ra, đề tài tiến hành khảo nghiệm đánh giá phản ứng của giống lúa mới với bệnh đạo ôn và rầy nâu tại tỉnh Quảng Ngãi trong điều kiện nhân tạo. Kết quả

☞ 12 mô hình trình diễn cho 2 giống lúa mới QNg6 và QNg13, mỗi giống 6 mô hình tại 6 huyện đồng bằng của tỉnh, tổng diện tích 60 ha, trên 2 loại chân đất (chân đất thịt độ phì khá-tốt ở Bình Sơn, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức và chân đất pha cát-bạc màu ở Sơn Tịnh, Đức Phổ). Giống lúa QNg6 thực hiện vụ Đông Xuân 2018-2019 có thời gian sinh trưởng 103-110 ngày, ít nhiễm sâu bệnh hại chính, trên chân đất thịt độ phì khá-tốt năng suất 70,5-75,6 tạ/ha (cao hơn giống đối chứng HT1 9-12,3%), trên chân đất cát bạc màu năng suất 64,0-66,7 tạ/ha (cao hơn giống đối chứng HT1 10,3-14,2%), lãi thuần trung bình 11.375.375 đồng/ha (cao hơn giống đối chứng HT1 18,4%). Giống lúa QNg13 thực hiện vụ Hè Thu 2019 có thời gian sinh trưởng 90-97 ngày, ít nhiễm sâu bệnh hại chính, trên chân đất thịt độ phì khá-tốt năng suất 65,1-67,5 tạ/ha (cao hơn giống đối chứng HT1 10,3-12,6%), trên chân đất cát bạc màu năng suất 64,1-68,5 tạ/ha (cao hơn giống đối chứng HT1 13,5-14,2%), lãi thuần trung bình 8.741.000 đồng/ha (cao hơn giống đối chứng HT1 16,0%). Ông Trần Ngọc Sơn, cán bộ kỹ thuật của đề tài nhận xét: Chúng tôi thực hiện các mô hình trình diễn trong 2 vụ; vụ Đông Xuân

2018-2019 chúng tôi triển khai 6 mô hình tại Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức và Đức Phổ, vụ Hè Thu 2019 cũng triển khai tại 6 điểm này và ở các vùng chân đất khác nhau. Kết quả cho thấy vụ Đông Xuân, giống lúa QNg6 cho năng suất cao, cứng cây, khả năng chống đổ ngã rất tốt, chất lượng gạo thơm ngon, khả năng kháng bệnh tốt, chịu lạnh tốt; vụ Hè Thu, giống lúa QNg13 cứng cây, chống đổ ngã rất tốt, chịu nắng tốt, không bị lép hạt, thích nghi biến đổi khí hậu.

Sau khi công nhận giống sản xuất thử, cơ quan chủ trì đề tài đã tiến hành sản xuất thử nhân rộng các giống lúa trên trong vụ Hè Thu 2019 và vụ Đông Xuân 2019-2020 tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên với 17 mô hình có tổng diện tích 259,1 ha. Kết quả giống QNg6, đạt năng suất trung bình 74,3 tạ/ha vượt hơn giống đ/c 11,9 % về năng suất, hơn 17,9 % về hiệu quả kinh tế; Giống QNg13 đạt năng suất trung bình 72,8 tạ/ha, vượt hơn giống đ/c 12,9 % về năng suất, hơn 22,2 % về hiệu quả kinh tế.

Ông Đỗ Đức Sáu, chủ nhiệm đề tài đánh giá: Đề tài được thực hiện đầy đủ nội dung, tiến độ đặt ra. Các sản phẩm chính của đề tài là các giống lúa QNg6, QNg13, QNg128 đã được tổ chức

sản xuất thử và thực hiện mô hình trình diễn ở các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên đều cho kết quả tốt. Đồng thời, áp dụng hướng dẫn quy trình kỹ thuật ở vụ Đông Xuân 2019-2020 tại các mô hình đều đạt kết quả tốt. Chúng tôi đã đăng ký bảo hộ 3 giống lúa này và được Cục Trồng trọt cấp bằng bảo hộ. Các Sở Nông nghiệp các tỉnh đã đưa 3 giống lúa của đề tài vào cơ cấu giống triển vọng như tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định. Như vậy, có thể khẳng định các giống lúa này có triển vọng và có điều kiện để mở rộng, thay thế dần các giống kém hiệu quả hơn. Thời gian đến, chúng tôi sẽ thực hiện các bước để công nhận lưu hành các giống này để phục vụ cho sản xuất trong thời gian sớm nhất.

Với kết quả đạt được, đề tài góp phần đem lại thu nhập cao cho người nông dân; nâng cao năng suất, sản lượng lương thực trên địa bàn tỉnh và các tỉnh miền Trung qua ứng dụng vào sản xuất cơ cấu giống lúa mới ngắn ngày, chất lượng cao; từ đó tạo định hướng cho công tác nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng, thúc đẩy quá trình chuyển đổi giống cây trồng, tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của tỉnh ■

Mô hình liên kết giữa Doanh nghiệp - Nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả tại huyện Sơn Tịnh

ANH KHUÊ

Nhằm giúp bà con nông dân tăng thêm thu nhập trên đơn vị diện tích đất lúa kém hiệu quả, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sơn Tịnh triển khai dự án: “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết giữa doanh nghiệp - nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả tại huyện Sơn Tịnh” và đem lại kết quả khả quan, góp phần tăng thu nhập, cải thiện mức sống cho người dân, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững.

Huyện Sơn Tịnh có lợi thế để phát triển cây Ngô, tuy nhiên hiện nay năng suất bình quân của cây ngô chỉ đạt bình quân 50,0 tạ/ha và chỉ mới tương đương với 70% so với tiềm năng; chưa hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa Doanh nghiệp - Nông dân, nên việc chuyển đổi trồng ngô trên đất lúa chưa thực hiện mạnh mẽ vì liên quan đến vấn đề tiêu thụ sản phẩm và giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích còn thấp. Do đó, để thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sơn Tịnh triển khai dự án: “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô



Mô hình trồng thâm canh ngô thương phẩm trên đất lúa kém hiệu quả ở xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh.

hình liên kết giữa doanh nghiệp - nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả tại huyện Sơn Tịnh” với mục tiêu ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển sản xuất ngô trên đất lúa kém hiệu quả ở huyện Sơn Tịnh theo mô hình liên kết sản xuất giữa

doanh nghiệp - HTX - nông dân, qua đó góp phần thúc đẩy tiến trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Từ vụ Đông Xuân 2017-2018 đến vụ Hè Thu năm 2019, dự án đã xây dựng mô hình trồng thâm canh ngô thương phẩm trên đất lúa kém hiệu quả để làm

☞ nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi tại xã Tịnh Giang và Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh với diện tích 160 ha/2 năm; trong đó, xã Tịnh Đông là 41,2 ha; xã Tịnh Giang: 118,8 ha. Giống ngô lai mới được đưa vào sản xuất là LVN61 và CP333. Kỹ thuật trồng ngô theo tiến bộ kỹ thuật canh tác hiệu ứng hàng biên (canh tác ngô theo phương thức 2 hàng/luống và khoảng cách giữa 2 hàng/luống là 20cm, ngược lại khoảng cách giữa 2 luống là 70 cm, qua đó các hàng trên luống đều được tiếp cận với ánh sáng nhờ khoảng cách giữa 2 luống rộng). Kỹ thuật quản lý dinh dưỡng tổng hợp INM, IPM, IWM đối với cây ngô. Ứng dụng cơ giới hóa trong các công đoạn làm đất, gieo hạt và bón phân, thực hiện quy trình thu hoạch, thu gom, tách hạt và sơ chế ngô thương phẩm (sấy và đóng bao).

Qua 4 vụ sản xuất, năng suất bình quân của giống ngô lai CP333 đạt 71,07 tạ/ha với tổng sản lượng 568,54 tấn/80ha và giống ngô lai LVN61 đạt 71,3 tạ/ha với tổng sản lượng 570,45 tấn/80ha. Năng suất ngô bình quân của cả mô hình trong 2 năm đạt 71,18 tạ/ha, hiệu quả kinh tế tăng 40,2% so với phương thức canh tác truyền thống trồng lúa thuần. So với mục tiêu

dự án là năng suất ngô đạt bình quân 70,0 tạ/ha và hiệu quả kinh tế tăng 25% so với phương thức canh tác truyền thống thì kết quả mô hình đạt vượt so với mục tiêu đã đề ra về năng suất và hiệu quả kinh tế.

Từ sản phẩm của mô hình thâm canh ngô thương phẩm, dự án đã xây dựng mô hình thu hoạch, sơ chế bảo quản và bao tiêu ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi với quy mô: 1.139 tấn/kỳ dự án, trong đó: 570,45 tấn hạt ngô thương phẩm

giống LVN61 và 568,54 tấn hạt ngô thương phẩm giống CP333. Toàn bộ ngô thương phẩm của mô hình được Công ty TNHH Thuận Giao tiêu thụ thông qua hợp đồng bao tiêu sản phẩm ký kết với HTXDV NN Tịnh Đông, Tịnh Giang ngay từ đầu vụ sản xuất. HTX ký kết thu mua ngô tươi của nông dân trong vùng dự án, tổ chức tách hạt, sấy theo tiêu chuẩn qui định và đóng bao để bàn giao sản phẩm cho Công ty TNHH Thuận Giao tại Hợp tác xã; Công ty TNHH Thuận Giao kiểm



Ứng dụng máy bóc bẹ và tách hạt ngô vào khâu thu hoạch cho người dân tham gia dự án ở xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh.

☞ tra sản phẩm theo tiêu chuẩn quy định, tiếp nhận sản phẩm và vận chuyển về Bình Định để nhập cho Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi; giá bao tiêu sản phẩm được xác định theo giá thị trường thời điểm thu mua sản phẩm.

Bên cạnh đó, dự án đã đầu tư thiết bị công nghệ, máy móc để nâng cao tiềm lực và hoạt động dịch vụ cho 02 HTX Dịch vụ Nông nghiệp Tịnh Đông và Tịnh Giang tham gia trong chuỗi liên kết giữa Doanh nghiệp - HTX Dịch vụ Nông nghiệp - Nông dân, gồm: 01 máy bóc bẹ và tách hạt ngô công suất 7-8 tấn/giờ; 02 máy tách hạt ngô, công suất 0,3 tấn/giờ; 01 hệ thống sấy nông sản vi ngang một chiều, công suất 15 tấn/mẻ; 02 máy lên luống và gieo hạt ngô 2 hàng; 01 máy cày KUBOTA (L4508VN); kho trồng 203 m²; sân phơi: 203 m². Trên cơ sở tiềm lực đã được dự án hỗ trợ, 2 HTX đã thành lập các tổ kỹ thuật viên chỉ đạo sản xuất, thu gom, sơ chế, làm sạch sản phẩm sau thu hoạch ngô để cung cấp cho Doanh nghiệp (Công ty TNHH Thuận Giao).

Với tổng sản lượng hạt ngô thương phẩm sau khi sấy đạt yêu cầu là ẩm độ dưới <15%, chất lượng hạt không bị mốc và tỷ lệ hạt nguyên > 90% của cả mô

hình đạt 1.139 tấn, Công ty TNHH Thuận Giao đã bao tiêu sản phẩm theo giá thị trường theo từng vụ/năm và tổng doanh thu từ sản phẩm ngô hạt của dự án là trên 6 tỷ đồng. Với tổng chi phí đầu tư để sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ hạt ngô thương phẩm đã hoạch toán ra giá thành sản phẩm bình quân cả kỳ dự án là 3.900 đồng/kg với giá bán sản phẩm bình quân cả chu kỳ dự án là 5.300 đồng/kg, giá lãi ròng là 1.400 đồng/kg thì mô hình mang lại lãi ròng 1,6 tỷ đồng trong kỳ dự án.

Ông Phạm Hồng Sơn, Trưởng Phòng NN&PTNT, Phó trưởng ban quản lý dự án cho biết: Sau thời gian triển khai, dự án đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch dự án đề ra: Về quy mô đạt 160/160 ha theo kế hoạch, về năng suất đạt 71,06 tạ/ha, vượt kế hoạch (71 tạ/ha); về sản lượng đạt 1.138 tấn, vượt kế hoạch đề ra (1.100 tấn); về hiệu quả kinh tế, so sánh giữa sản xuất ngô và lúa trên cùng cánh đồng qua 1 vụ sản xuất, năng suất lúa đạt 50-60 tạ/ha, sau trừ chi phí, người nông dân thu khoảng 10 triệu đồng/ha; trong khi đó, năng suất ngô đạt 71,06 tạ/ha, trừ chi phí, người nông dân thu lãi 15 triệu/ha, qua đó thấy rõ hiệu quả kinh tế

dự án đem lại cho người dân. Đồng thời, dự án đã nâng cao năng lực quản lý điều hành, kinh doanh cho HTX, HTX đã biết tính toán từ đầu về diện tích sản xuất và sản lượng để ra để ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp. Qua dự án đã tạo được sự liên kết giữa nông dân - HTX - doanh nghiệp, nông sản bà con làm ra được doanh nghiệp tiêu thụ nên bà con yên tâm trong quá trình tổ chức sản xuất. Hiện tại, HTX Tịnh Giang cùng với Công ty TNHH Thuận Giao và bà con nông dân đang tiếp tục triển khai thực hiện và nhân rộng mô hình trong vụ Đông Xuân 2019-2020...

Kết quả đạt được của dự án đã chứng minh cho nông dân trực tiếp tham gia hoặc vùng lân cận thấy được hiệu quả sản xuất ngô trên đất lúa kém hiệu quả tại huyện Sơn Tịnh khi ứng dụng đồng bộ các giải pháp về khoa học công nghệ, tổ chức liên kết sản phẩm với doanh nghiệp theo hướng phục vụ chế biến thức ăn chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế, qua đó, thay đổi dần nhận thức của người nông dân trong canh tác, sản phẩm đầu ra được ổn định, góp phần tăng thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương ■

ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

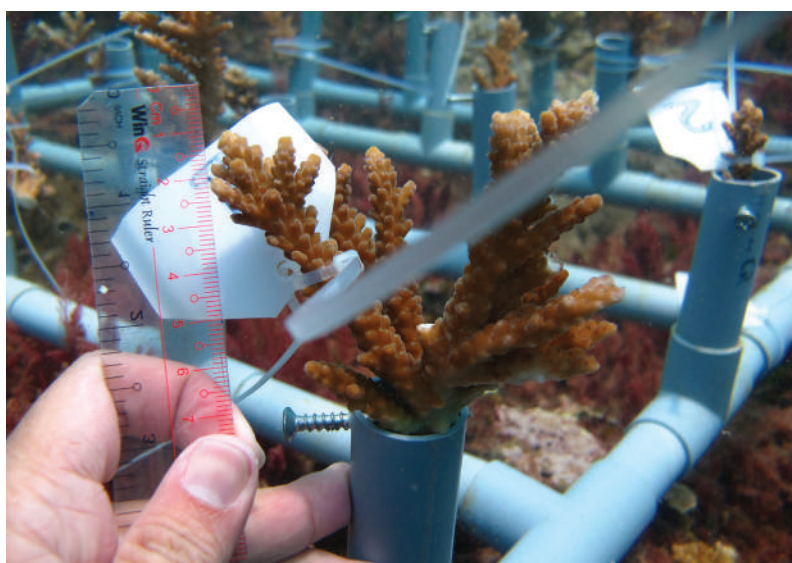
✍ PHƯƠNG TÚ

Ứng dụng KH&CN trong phát triển nông nghiệp, nông thôn mới gắn với bảo vệ môi trường

Thực hiện mục tiêu KH&CN phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng vật nuôi, thu nhập cho nông dân, xây dựng nông thôn mới góp phần tạo nền sản xuất xanh, sạch, bảo đảm an toàn thực phẩm và sức khỏe người dân, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN đã tập trung ưu tiên triển khai nhiều chương trình đề tài, dự án phục vụ nông nghiệp để hỗ trợ phát triển các sản phẩm và giải quyết các khâu trong chuỗi giá trị, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng, phát triển nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế ở địa phương.

Trong phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, triển khai ứng dụng kỹ thuật sản xuất lúa gạo hữu cơ chất lượng cao tại Quảng Ngãi và hình thành chuỗi giá trị sản xuất tiêu thụ lúa gạo hàng hóa nhằm góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững cho nghề trồng lúa truyền thống, nâng cao thu nhập cho doanh

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ (KH&CN) là giải pháp quan trọng trong bảo vệ môi trường hiện nay. Bắt nhịp với xu thế này, thời gian qua, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN của tỉnh đã trọng chú triển khai thực hiện nhiều đề tài, dự án gắn với công tác bảo vệ môi trường và đưa vào áp dụng hiệu quả trong thực tiễn. Qua đó đã tác động đáng kể đến đời sống của người dân địa phương, đồng thời góp phần tích cực trong giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phát triển và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên đa dạng trên địa bàn tỉnh.



Mô hình rạn san hô nhân tạo của dự án "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng phục hồi rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi".

niệp và người dân tại xã Hành Nhân và Hành Phước, huyện Nghĩa Hành. Công ty TNHH KH&CN Nông Tín đã phối kết hợp cùng bà con nông dân huyện nghĩa Hành thực hiện dự án "Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật sản xuất lúa, gạo hữu cơ chất lượng cao tại Quảng Ngãi". Thành công của dự án góp phần nâng cao thu nhập cho nông

dân trên diện tích đất canh tác so với sản xuất lúa thông thường, tạo ra chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp-nông dân và ứng dụng đồng bộ các tiến bộ KH&CN vào sản xuất lúa gạo hữu cơ, cho sản phẩm gạo hữu cơ sạch, chất lượng cao, an toàn để cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh, bảo vệ môi trường, sức khỏe của người

☞ sản xuất và người tiêu dùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, miền núi của tỉnh. Ông Phan Sơn, đồng chủ nhiệm dự án đánh giá: *Sản xuất lúa gạo hữu cơ là phương pháp ứng dụng mới nhằm thay đổi tập quán canh tác của bà con nông dân trước đây, đem lại sức khỏe cộng đồng; làm cho đồng ruộng sạch, thân thiện với môi trường; thành phần dinh dưỡng trong đất được cải thiện. Được sự đầu tư của Sở KH&CN cùng với sự đầu tư của doanh nghiệp tạo ra sản phẩm nông nghiệp sạch, theo hướng an toàn.*

Phát triển giống cây trồng mới, có hiệu quả ở tỉnh đề tài “Nghiên cứu xác lập cơ cấu cây trồng hiệu quả trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi” đã xác định được cơ cấu cây trồng có hiệu quả kinh tế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phù hợp với tập quán canh tác ở vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi các loại cây trồng.

Nhằm phát triển sản phẩm địa phương có giá trị thương mại, mang lại thu nhập ổn định, tạo sinh kế lâu dài cho người dân và nâng cao thương hiệu về đặc sản vùng của tỉnh, gìn giữ nguồn gen bản địa quý hiếm, bảo tồn tự nhiên và đa dạng sinh học cho hệ sinh thái tự nhiên; triển khai các nhiệm vụ “Nghiên cứu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống cây quế bản địa Trà Bồng

tại Quảng Ngãi và đánh giá kết quả bảo tồn” tạo nguồn giống ổn định có chất lượng cao phục vụ cho sản xuất tại địa phương, góp phần làm giàu quỹ gen giống quế đặc sản có giá trị kinh tế cao ở tỉnh, đến nay đã thực hiện trồng mới 10 ha quế, cây sinh trưởng và phát triển tốt; Nhiệm vụ “Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận chè Minh Long” xây dựng mạng lưới tổ chức quản lý

an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Cụ thể đã thực hiện dự án: “Ứng dụng khoa học và công nghệ tuyển chọn, nhân giống và phát triển chăn nuôi gà thả đồi an toàn tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi”; dự án: “Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi bền vững cho đoàn viên thanh niên và nông dân xã Trà Phú, huyện Trà Bồng,”...



Kiểm tra thực hiện đề tài “Nghiên cứu xác lập cơ cấu cây trồng hiệu quả trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi”.

và khai thác có hiệu quả, bền vững sản phẩm chè xanh Minh Long, trồng mới 6 ha chè tại 03 xã của huyện, góp phần tăng thu nhập ổn định cho đồng bào dân tộc miền núi ở huyện Minh Long.

Bên cạnh đó, triển khai các nhiệm vụ KH&CN hỗ trợ liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm để tạo ra sản phẩm chăn nuôi sạch,

Đề bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản đặc thù ở tỉnh đã triển khai đề tài về “Điều tra, đánh giá nguồn lợi và đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững của Dẹp và Nhum sọ tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi”. Đề tài đã xây dựng mô hình và hình thành nghề nuôi mới, cải thiện thu nhập cho bà con ven biển☞

tỉnh Quảng Ngãi.

Ứng dụng KH&CN phục vụ quản lý, khai thác, phát triển tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN của tỉnh đã sử dụng và cung cấp cứ liệu khoa học về tài nguyên khoáng sản, điều kiện tự nhiên, môi trường trên địa bàn tỉnh. Đó là kết quả của các nhiệm vụ: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trợ giúp công tác quản lý ô nhiễm môi trường tỉnh Quảng Ngãi; Đánh giá hiện trạng phân bố nguồn lợi rong mơ tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất một số giải pháp khai thác và phát triển bền vững; Nghiên cứu những tác động biến đổi khí hậu đối với tỉnh Quảng Ngãi cho các sở ngành để phục vụ công tác quản lý chuyên ngành, xây dựng các dự án đầu tư phát triển kinh tế-xã hội, phòng tránh giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Để khảo sát thực trạng và bảo vệ rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện đảo Lý Sơn đã thực hiện nhiệm vụ "*Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng phục hồi rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi*". Trên cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện đảo Lý Sơn, đưa ra giải pháp phục hồi và tiến hành trồng phục hồi được 2 ha (3.422 tập đoàn) rạn san hô trên nền đáy tự nhiên, mô hình rạn san hô nhân tạo và vườn ươm san hô, góp phần phục hồi rạn san hô trong Khu bảo tồn biển ở Lý Sơn đang có nguy cơ suy giảm, nhằm tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường và phục vụ du lịch sinh thái biển.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN của tỉnh thời gian qua đã thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu mang tính ứng dụng cao, tác động tích cực và hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường của tỉnh; từ đó hướng đến xây dựng, phát triển môi trường an toàn, bền vững trong tương lai nhằm phục vụ đời sống của người dân trong tỉnh, bảo vệ nguồn lợi thiên nhiên sẵn có ■

NHỮNG CÁNH CHIM ĐẦU ĐÀN...

(Tiếp theo trang 15)

tạo nâng cao năng lực cạnh tranh cho hội viên... để bổ sung kiến thức pháp luật, chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh. Đặc biệt, Hiệp hội cũng là nhân tố chính để UBND tỉnh tổ chức thành công Chương trình Cả phê doanh nhân và hỗ trợ khởi nghiệp năm 2019, cũng như giúp đỡ DN kết nối với ngân hàng để huy động vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh", ông Đằng nói.

Còn Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Quảng Ngãi Vi Nhất Trường cho biết: Hội Doanh nhân trẻ là sân chơi dành cho các bạn trẻ có đam mê khởi nghiệp, có "máu" kinh doanh; tuy tuổi đời tuy trẻ, nhưng nhiều thành viên có nhiều kinh nghiệm trên thương trường. Nơi đây không chỉ là diễn đàn để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, thể hiện khát khao xây dựng thương hiệu, mà Hội còn là mảnh đất tốt để "những hạt giống" nảy mầm.

Theo Phó Chủ tịch UBND tỉnh Võ Phiến, cộng đồng DN đã và đang góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo nhiều công ăn việc làm, thực hiện nhiều chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. "Tỉnh luôn xem DN, các doanh nhân là những người bạn, là nguồn lực quan trọng góp phần đưa Quảng Ngãi ngày càng lớn mạnh. Do đó, UBND tỉnh luôn đồng hành cùng DN, quan tâm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để DN phát triển. Nhất là tạo điều kiện tối đa cho DN đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn", Phó Chủ tịch UBND tỉnh Võ Phiến khẳng định ■

SƠN TỊNH HƯỚNG ĐẾN NỀN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SẠCH, HỮU CƠ

✍ THU PHƯỢNG - KIM CÚC

Đến với huyện Sơn Tịnh hôm nay, chắc chắn một điều là hầu hết người nông dân sản xuất lúa ở huyện đều sử dụng giống lúa kỹ thuật vào sản xuất và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật như chương trình “3 giảm, 3 tăng”, “1 phải, 5 giảm”, Quản lý tổng hợp dinh dưỡng và dịch hại cây trồng (ICM), Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)... Được huyện tăng cường xây dựng mạng lưới bảo vệ thực vật ở cơ sở nên bà con đã giảm được chi phí sản xuất, hạn chế được sâu bệnh và tăng giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích lúa.

Đặc biệt, trong thời gian qua huyện đã nỗ lực thực hiện các dự án ứng dụng khoa học và công nghệ trong trồng trọt đã dần hình thành phương pháp sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ. Thành công của dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết giữa doanh nghiệp-nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả” ở 2 xã Tịnh Đông và Tịnh Giang đã thu hút sự

Sơn Tịnh là huyện thuần nông, phát triển kinh tế nông nghiệp luôn được huyện đặc biệt chú trọng, trong đó huyện đã từng bước ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để sản xuất nông sản sạch, an toàn ngày càng nhân rộng cả về diện tích lẫn quy mô.



Dự án khoa học và công nghệ xây dựng vùng chuyên canh lạc trên đất lúa và màu kém hiệu quả theo chuỗi giá trị tại xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh.

hưởng ứng đồng thuận của nhiều người dân. Đây là dự án cấp quốc gia, đã áp dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến với qui trình quản lý phân bón, dịch hại tổng hợp nên vừa giảm được lượng phân bón, thuốc bảo

vệ thực vật, vừa tăng chất lượng sản phẩm. Dự án đã thực hiện trên 160 ha ngô gồm 2 giống CP333 và giống LVN61, năng suất bình quân đạt trên 71 tạ/ha, sản lượng đạt trên 1.138 tấn. Mới đây, dự án khoa

học và công nghệ xây dựng vùng chuyên canh lạc trên đất lúa và màu kém hiệu quả theo chuỗi giá trị tại xã Tịnh Thọ cũng đã được bà con nông dân hưởng ứng cao. Dự án đã tổ chức xây dựng mô hình vụ Đông Xuân 2019-2020 với tổng diện tích 30 ha lạc, với 249 hộ tham gia gồm các giống lạc LDH09, LDH01, L14 ở 5 thôn. Năng suất bình quân ước đạt 37 tạ/ha.

Bên cạnh chú trọng sản

giống khỏe mạnh; quá trình nuôi, chăm sóc chỉ được dùng thức ăn từ những nhà sản xuất có uy tín, không sử dụng sản phẩm trôi nổi trên thị trường, không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Trên địa bàn huyện đã có những trang trại liên kết với các Công ty triển khai chăn nuôi sạch như ở xã Tịnh Trà có nông dân Võ Ngọc Sơn, Lê Tự Quốc Tín đã áp dụng phương thức chăn nuôi sạch, hạn

đến nay. Dự án đã tiến hành phối 2.500 liều tinh, có trên 2.100 con bò có chửa, đạt trên 85% tổng số bò đã phối, bê sinh ra trong dự án 1.550 con. Các hộ tham gia dự án đều chăm sóc, nuôi dưỡng bê tốt, bê không dịch bệnh, tầm vóc vượt trội so với bê được phối từ tinh nội.

Đối với chăn nuôi gia cầm, thủy cầm, từ năm 2018 đến nay, huyện Sơn Tịnh đã triển khai các dự án chăn nuôi gà thả vườn ở các xã Tịnh Bình, Tịnh Phong và Tịnh Hà. Các dự án đã bắt đầu giúp cho các hộ chăn nuôi nắm bắt được quy trình chăn nuôi an toàn dịch bệnh, chọn giống và tiêu thụ sản phẩm cho người chăn nuôi.

Với định hướng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, huyện Sơn Tịnh đang tiếp tục thực hiện các giải pháp xây dựng mô hình điển hình cho từng lĩnh vực để áp dụng rộng rãi, xây dựng mối liên hệ giữa nhà khoa học, người nông dân và doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu, tạo thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam, ứng dụng công nghệ mới để đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm ■



Nông dân Sơn Tịnh phấn khởi với Dự án phát triển bò lai hướng thịt.

xuất trồng trọt, thì chăn nuôi sạch cũng được huyện chú trọng. Đối với huyện, chăn nuôi sạch phải bắt đầu từ khâu xây dựng chuồng trại, chọn giống, chăm sóc nuôi dưỡng, không sử dụng chất cấm. Người chăn nuôi ở huyện đã áp dụng chăn nuôi một cách khoa học, sạch sẽ; khâu chọn giống được chọn những con

chế dịch bệnh, tạo thu nhập cho người chăn nuôi. Góp phần trong phát triển ngành chăn nuôi sạch ở huyện là thành công của các dự án. Trong đó phải kể đến Dự án “Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phát triển đàn bò lai hướng thịt trên nền bò cái lai Zebu tại các xã miền núi huyện Sơn Tịnh” từ năm 2017

GƯƠNG NÔNG DÂN ĐIỂN HÌNH TRONG HỌC TẬP VÀ LÀM THEO BÁC

 **ĐỒNG XUÂN**

Anh Trị cho biết, những năm trước đây gia đình anh thuộc diện hộ nghèo của xã, cuộc sống gia đình gặp không ít khó khăn, vất vả. Tuy nhiên, với quyết tâm không chịu đói, nghèo cộng với bản tính cần cù, chịu khó, anh Trị đã cùng vợ tính toán cách làm ăn hợp lý để phát triển kinh tế trên chính quê hương mình.

Ban đầu anh Trị thực hiện phương châm “lấy ngắn nuôi dài”, anh mở rộng đất trồng mì, lúa để có lương thực cho gia đình và tận dụng các phụ phẩm từ trồng trọt để làm thức ăn chăn nuôi bò, heo và gà, vịt... mang lại thu nhập tương đối ổn định cho gia đình. Hiện nay gia đình anh Trị có 7 con bò lai sinh sản, hơn 50 con vịt xiêm và hàng trăm con gà. Có vốn trong tay, anh Trị tiếp tục mở rộng đầu tư vào trồng các cây quế, keo, cau. Nhờ đó, gia đình anh đã sở hữu nhiều diện tích keo, vườn quế trên 10 năm tuổi và hàng trăm gốc cau đang cho trái. Mỗi năm, các loại cây, con này mang lại thu nhập cho gia đình anh Trị hơn 150 triệu đồng.

Chưa bằng lòng với những gì mình đã tạo dựng được và với suy nghĩ đảng viên phải làm trước để người dân trong thôn noi theo, gia đình anh Trị tiếp tục trồng

Theo chân các anh cán bộ Hội Nông dân huyện Sơn Tây, tôi có dịp gặp gỡ anh nông dân sản xuất giỏi Đinh Văn Trị (40 tuổi) ở thôn Hà Lân, xã Sơn Màu, huyện Sơn Tây để tận mắt “mục sở thị” mô hình kinh tế gia trại “đa cây, đa con” đã và đang phát triển bền vững, được nhiều người đến tham quan, chia sẻ kinh nghiệm.



Trại nuôi gà của Anh Đinh Văn Trị ở thôn Hà Lân, xã Sơn Màu, huyện Sơn Tây.

thêm gần 200 gốc chanh. Đất không phụ công người, nhờ chịu khó vun trồng, chăm bón, những vườn đồi, rừng cây của gia đình anh Trị ngày càng sinh trưởng, phát triển tốt, hứa hẹn đem lại nguồn thu nhập cao hơn nữa, giúp gia đình anh Trị có cuộc sống đầy đủ hơn.

Chẳng những làm kinh tế giỏi, anh Trị còn là một trưởng thôn gương mẫu, anh thường xuyên động viên bà

con trong thôn, xóm phát triển kinh tế để xóa nghèo, giúp cuộc sống của đồng bào thôn Hà Lân ngày một đổi thay. Không chỉ có vậy, anh còn có những việc làm ý nghĩa giúp đỡ người nghèo, những gia đình có hoàn cảnh không may trong cuộc sống.

Được biết, anh Trị xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo nên anh luôn

(Xem tiếp trang 31)

Ứng dụng kỹ thuật nuôi trâu cải tiến để nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc H're và bảo vệ môi trường ở huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

✍ PHƯƠNG DUNG

Bằng việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong công tác cải tạo giống, xây dựng chuồng trại, trồng các giống cỏ mới có năng suất cao..., dự án “Ứng dụng kỹ thuật nuôi trâu cải tiến để nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc H're và bảo vệ môi trường ở huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi” đã góp phần nâng cao được tầm vóc, thể trạng đàn trâu địa phương, hạn chế thoái hóa về giống, tiến tới phát triển chăn nuôi trâu theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng thu nhập cho đồng bào dân tộc H're ở huyện Minh Long.

Chăn nuôi Trâu ở huyện Minh Long được hình thành từ lâu đời, con trâu gắn liền với sản xuất nông nghiệp và đời sống tâm linh của người đồng bào dân tộc H're. Tuy nhiên, trong những năm qua, các hoạt động chuyển giao kỹ thuật đối với chăn nuôi trâu chưa được triển khai. Chính vì thế, phần lớn nông dân nuôi trâu chưa có điều kiện tiếp cận với các tiến bộ kỹ thuật mới, nên việc nuôi trâu chủ yếu là theo tập quán cũ, hầu hết chuồng trại chưa đảm bảo, chất lượng đàn giống trâu ngày càng suy giảm, năng suất và hiệu quả kinh tế còn thấp, môi trường sống trong khu dân cư bị ô nhiễm. Tình trạng giao phối cận huyết làm giảm tầm vóc và sức sản xuất của đàn trâu ngày càng suy giảm. Xuất phát từ thực trạng trên, UBND huyện Minh Long đã đăng ký thực hiện dự án “Ứng dụng kỹ thuật nuôi trâu cải tiến để nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc H're và bảo vệ môi



Nhờ được chăm sóc tốt, đàn trâu của ông Đinh Văn Tê, thôn Lạc Hạ, xã Long Sơn sinh trưởng và phát triển tốt.

trường ở huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi” nhằm đẩy mạnh công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi trâu, góp thiết thực trong thực hiện chương mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, kế hoạch xây dựng nông thôn mới của huyện, là tiền đề để huyện Minh Long nhân rộng mô hình cho người dân trong toàn huyện áp dụng.

Dự án đã tiến hành điều tra 57 hộ chăn nuôi trâu

được chọn ngẫu nhiên ở 10 thôn ở 2 xã Long Môn và xã Long Sơn, huyện Minh Long để thu thập thông tin về thực trạng chăn nuôi trâu. Qua đó, dự án đã hỗ trợ trâu đực giống với số lượng là 12 con, bình quân 360 kg/con. Trâu đực giống từ 3-4 tuổi, có ngoại hình đẹp, tầm vóc lớn, sức khỏe tốt, nguồn gốc rõ ràng. Hộ được chọn nuôi trâu đực giống phải có đủ điều kiện như nuôi nhiều trâu cái sinh sản, ham thích kỹ thuật, có nguồn thức ăn

☞ dồi dào, biết ghi chép sổ sách và được địa phương thống nhất. Thời gian nuôi đực giống là 3 năm và mỗi đực giống phải phối có chữa 40 lượt trâu cái (bình quân 20 con trâu cái có chữa/năm). Người dân nuôi trâu đực giống được hỗ trợ 120 kg thức ăn thức ăn tinh và thuốc thú y để tẩy sán lá gan định kỳ 2 lần/năm và thuốc sát trùng chuồng trại. Ngoài ra, để khuyến khích người dân nuôi trâu đực giống, mô hình hỗ trợ đực giống phối có chữa 50.000 đ/lượt.

Sau hơn 3 năm triển khai, đến tháng 5/2020, các đực giống đầu tư từ dự án đã phối giống có chữa được 528 con và đã có 329 nghé con sinh ra phát triển khỏe mạnh. Số nghé mới sinh có trọng lượng nặng hơn và thân hình to khỏe hơn so với giống nghé địa phương. Trọng lượng nghé sơ sinh là 23 kg/con, trọng lượng nghé lúc 12 tháng tuổi là 148 kg/con.

Cùng với cải tạo giống, dự án còn hỗ trợ xây dựng chuồng trại nuôi trâu kiên cố ở 130 hộ nuôi trâu là người dân tộc thiểu số có chuồng trại chưa đảm bảo. Trong đó, xã Long Môn là 40 chuồng và xã Long Sơn là 90 chuồng. Chuồng trâu được làm đúng kỹ thuật, kiên cố, vững chắc. Nền chuồng làm bằng bê tông, mái lợp tôn xi măng; có bố trí máng ăn, máng uống và nơi ủ phân;

nước thải được dẫn vào hầm chứa hoặc cho thoát nơi phù hợp, cách xa nguồn nước sinh hoạt để không gây ô nhiễm môi trường; đảm bảo về mùa đông ấm, mùa hè mát, tạo điều kiện cho trâu sinh trưởng, phát triển tốt.

Để giúp các hộ dân chủ động được nguồn thức ăn xanh cho trâu, dự án đã đầu tư giống, phân bón vô cơ

lúa/năm.

Bên cạnh đó, dự án cũng đã tuyên truyền, giới thiệu các kỹ thuật chăn nuôi mới cho người dân thông qua tổ chức tập huấn cho nông hộ chăn nuôi trâu (6 lớp, 379 người); đào tạo kỹ thuật viên cơ sở (01 lớp, 20 kỹ thuật viên cơ sở); hội nghị đầu chuỗi (02 lần, 100 người). Qua đó đã giúp bà



Trâu ghé sinh ra nhờ phối giống trâu đực của dự án tại hộ ông Đình Kê, thôn Diên Sơn, xã Long Sơn.

cho 42 hộ chăn nuôi trâu để trồng 26.000m², mỗi hộ được đầu tư trồng 200m² cỏ VA06, cỏ Voi và cỏ Sả. Tùy điều kiện thực tế, các hộ chăn nuôi trâu đã trồng các vườn cỏ trong vườn và trồng bán thâm canh ngoài đồng, ven bờ đường, nương...tổng diện tích trồng cỏ lớn hơn nhiều (trung bình mỗi hộ ≥ 372 m²) so với dự kiến (200m²). Bình quân năng suất cỏ trồng ở các hộ đạt 203 tấn/ha/năm và thu 6-8

con đồng bào người H're từng bước tiếp cận với các tiến bộ kỹ thuật về chăn nuôi trâu, từng bước xóa bỏ các tập quán chăn nuôi cũ, tăng thu thập, cải thiện đời sống cho bà con nơi đây.

Ông Đình Công Bênh, Chủ tịch xã Long Môn cho biết: Tham gia dự án xã Long Môn được hỗ trợ xây dựng 40 chuồng trâu, đồng thời được hỗ trợ 5 con trâu đực giống. So với trâu địa phương, trâu đực giống to ☞

hơn, ngoại hình đẹp hơn. Sau 3 năm triển khai, đã có 79 con ghé được sinh ra. Số ghé này trọng lượng đạt hơn, sinh trưởng và phát triển nhanh hơn so với ghé địa phương... Từ khi bà con có chuồng trại, được hỗ trợ trâu đực phối giống, được hỗ trợ trồng cỏ, trữ rơm rạ làm thức ăn cho trâu vào mùa mưa thì chăn nuôi trâu của bà con đạt hiệu quả kinh tế hơn, không còn tình trạng trâu chết đói, chết rét vào mùa lạnh.

Thông qua các hoạt động của dự án đã góp phần nâng cao năng suất chăn nuôi trâu cho các hộ trong vùng dự án, không chỉ cải thiện sức sống, tốc độ tăng trọng và tầm vóc của trâu nghé, mà còn nâng cao khả năng sinh sản của đàn trâu cái, giảm tỉ lệ trâu chết, từ đó sẽ gia tăng thu nhập cho các hộ nuôi trâu. Chỉ tính riêng về sự cải thiện tầm vóc ở trâu nghé sinh ra từ trâu đực giống được dự án đầu tư, với năng suất tăng lên 10-15% thì trọng lượng trâu nghé lúc 3-4 năm tuổi sẽ tăng so với trâu địa phương từ 30-50 kg/con, qua đó góp phần gia tăng thu nhập cho các hộ chăn nuôi. Dự án cũng góp phần thay đổi nhận thức của người dân về việc tiếp nhận và ứng dụng các tiến bộ KHKT để nâng cao năng suất và tăng thu nhập trong chăn nuôi trâu, ông Nguyễn Đức Thịnh, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Minh Long, Phó trưởng ban quản lý dự án cho biết.

Thành công của dự án bước đầu đã mang lại hiệu quả kinh tế cho đồng bào Hrê, góp phần nâng cao tầm vóc và chất lượng thịt cho đàn trâu ở huyện Minh Long; mở rộng và thúc đẩy phát triển các mô hình chăn nuôi trâu sinh sản và lấy thịt trong nông hộ theo hướng hàng hóa, tạo được công ăn việc làm ổn định cho người dân địa phương, góp phần thiết thực cho chương trình xóa đói, giảm nghèo của huyện ■

GƯƠNG NÔNG DÂN ĐIỂN HÌNH...

(Tiếp theo trang 28)

thấu hiểu được nỗi khổ của những người nông dân “không có đất cắm dùi và không có chỗ chui ra, chui vô”. Vì thế anh đã sẵn sàng nhường một phần diện tích (khoảng gần 400m²) đất ở của gia đình để cho 04 hộ nông dân nghèo trong thôn làm nhà ở và hướng dẫn các hộ này cùng nhau phát triển kinh tế gia đình. Việc làm của anh Đinh Văn Trị là tấm gương điển hình về “Nghĩa và Tình” của người đồng bào Ca Dong nơi đây.

Trò chuyện với chúng tôi, anh Trị luôn chia sẻ: “Gia đình mình trước kia rất nghèo, nhờ biết cách làm ăn, nên cuộc sống dần khá hơn. Nhưng xung quanh mình vẫn còn nhiều người chưa thoát nghèo, nên mình phải phải giúp đỡ để xóm giềng cùng nhau vươn lên. “Suy nghĩ luôn đi đôi với việc làm, nên dù “tắt đất, tắt vàng”, nhưng gia đình anh Trị sẵn lòng nhường đất của gia đình mình cho những hộ nghèo trong thôn không có đất để giúp họ dựng nhà ở ổn định, an tâm làm ăn, cùng vươn lên thoát nghèo.

Là người được gia đình anh Trị cho nền đất rộng rãi để làm nhà ở, ông Đinh Văn Vên xúc động chia sẻ: “Tôi được gia đình anh Trị cho đất làm nhà để ở và anh Trị còn thường xuyên đến thăm hỏi, giúp đỡ hàng xóm láng giềng lúc đau ốm, hoạn nạn, tôi và nhiều người dân ở thôn Hà Lên rất biết ơn và quý mến anh Trị...”

Đồng chí Đinh Văn Hôn, Phó bí thư Đảng ủy xã Sơn Màu cho biết: Anh Trị là một trong những tấm gương tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác ở địa phương, không chỉ biết làm ăn phát triển kinh tế, mà còn hết lòng giúp đỡ những người nghèo khác trong thôn vươn lên thoát nghèo, những việc làm của anh Trị đã gieo vào lòng người dân nơi đây biết bao sự ngưỡng mộ, tin yêu ■

Tọa đàm chuyên đề “Giải pháp đẩy mạnh công tác cải cách hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ và nâng cao công tác tham mưu của các phòng, đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghệ”

Trong năm qua, công tác cải cách hành chính ở Sở KH&CN đã có những bước chuyển biến nhất định: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về CCHC được lãnh đạo Sở thường xuyên quan tâm, chỉ đạo và đã hoàn thành cơ bản tốt chỉ số CCHC của năm 2019 so với năm 2018; Việc triển khai tiếp nhận và trả kết quả TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính tỉnh được thực hiện đồng bộ và hiệu quả; Việc sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở được thực hiện kịp thời; Đội ngũ CCVC có trình độ và năng lực thi hành công vụ; Việc ứng dụng CNTT, phần mềm eOffice đáp ứng được yêu cầu công việc, phát huy hiệu quả trong việc quản lý văn bản, điều hành nội bộ, thuận lợi cho việc trao đổi thông tin công việc, quản lý, chỉ đạo, điều hành của Sở... Theo kết quả chấm điểm của Hội đồng đánh giá, xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố năm 2019, Sở KH&CN đạt 80,08/100 điểm, xếp vị trí thứ 7/25 Sở, ban ngành cấp tỉnh (tăng 2 bậc so với năm 2018).

Tại buổi tọa đàm, các đại biểu đã được nghe 08 bài báo cáo tham luận của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở. Đồng thời, các đại biểu tham gia buổi tọa đàm đã đánh giá những kết quả đạt được, cũng như những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC của Sở.

Qua buổi tọa đàm, đồng chí Nguyễn Văn Thành, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, chủ trì buổi tọa đàm, kết luận: Trong thời gian tới để đẩy mạnh công tác CCHC, nâng cao vị trí xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính trong năm 2020 của Sở, cần triển khai thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau: Đổi



mới và nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC tại Sở và các đơn vị thuộc Sở, đảm bảo việc theo dõi đánh giá được thực hiện thường xuyên, liên tục để kịp thời tháo gỡ những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ tốt công tác kiểm tra CCHC trong năm 2020; Phổ biến, tuyên truyền và tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực KH&CN; Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC. Kịp thời cập nhật, công bố, công khai của TTHC trên Trang Thông tin điện tử của Sở, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Tiếp nhận, giải quyết và trả hồ sơ cho tổ chức và cá nhân đúng hạn; Sắp xếp tinh gọn bộ máy hành chính theo Đề án đã trình UBND tỉnh. Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức đạt chuẩn và bố trí sử dụng đảm bảo theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt; Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tài chính, nhất là cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập (Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN); Thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; đưa nội dung này vào phổ biến, hướng dẫn trong Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác quản lý hoạt động KH&CN năm 2020; xây dựng video clip gồm các câu hỏi và bài tập thực hành hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên trang web, cổng dịch vụ công.

PHƯƠNG DUNG

HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Đại Hội Đảng bộ Sở KH&CN, Đại Hội lần thứ II, nhiệm kỳ 2020 - 2025.



Lãnh đạo tỉnh thăm và làm việc với Sở KH&CN nhân ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18-5.



Sở KH&CN dự Hội nghị trực tuyến Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ toàn quốc năm 2020.



Sở Khoa học và Công nghệ làm việc với Trường Đại học Nông lâm Huế về việc thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ tại địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.



Sở Khoa học và Công nghệ làm việc với UBND huyện Sơn Hà về việc đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các đề tài, dự án KH&CN giai đoạn 2016-2020.



Sở Khoa học và Công nghệ làm việc với Viện Bảo vệ thực vật về các giải pháp, kỹ thuật, phòng trừ sâu bệnh hại trên cây trồng.

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 202 Trường Chinh, phường Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 0255.3822911 - Fax: 0255.3828529

Trung tâm có chức năng phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; thông tin và thống kê khoa học và công nghệ; triển khai hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ; thực hiện dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động dịch vụ khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.



Hệ thống máy sắc ký khí (dùng để phân tích dư lượng thuốc BVTV trong nông sản, hợp chất hữu cơ trong nước).



Máy quang phổ huỳnh quang tia X (dùng để xác định hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức mỹ nghệ).



Vườn cây sầu riêng hạt lép.



Lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống gà H're.



Vườn cây chôm chôm Java.



Lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống lợn bản địa (lợn Kiêng Sắt).